

## KINH VĨ MÔ

**Câu 1 : GDP danh nghĩa năm 1997 là 6000 tỷ . GDP danh nghĩa năm 1998 là 6500 tỷ .**

Chỉ số giá năm 1997 là 120. Chỉ số giá năm 1998 là 125 . Tỷ lệ tăng trưởng năm 1998 là :

- 8,33 %
- 4%
- 4,5%
- 10%

Giảm lượng cung tiền , tăng lãi suất  
Giảm chi ngân sách và tăng thuế  
a và b đều đúng  
a và b đều sai

**Câu 3 : Cho biết tỷ lệ tiền mặt so với tiền gửi ngân hàng là 60% , tỷ lệ dự trữ ngân hàng so với tiền gửi ngân hàng là 20% . Ngân hàng trung ương bán ra 5 tỷ đồng trái phiếu sẽ làm cho khối tiền tệ :**

- Tăng thêm 5 tỷ đồng
- Giảm bớt 5 tỷ đồng
- Giảm bớt 10 tỷ đồng
- Tăng thêm 10 tỷ đồng

Mục đích sử dụng  
Thời gian tiêu thụ  
Độ bền trong quá trình sử dụng  
Cả 3 câu đều đúng

**Câu 5 : Ngân hàng trung ương có thể làm thay đổi cung nội tệ bằng cách :**

- Mua hoặc bán trái phiếu chính phủ
- Mua hoặc bán ngoại tệ
- a và b đều đúng
- a và b đều sai

Học sinh trường trung học chuyên nghiệp  
Người nội trợ  
Bộ đội xuất ngũ  
Sinh viên năm cuối

**Câu 7 : Những hoạt động nào sau đây của ngân hàng trung ương sẽ làm tăng cơ sở tiền tệ ( tiền mạnh ) :**

- Bán ngoại tệ trên thị trường ngoại hối
- Cho các ngân hàng thương mại vay
- Hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc với các ngân hàng thương mại
- Tăng lãi suất chiết khấu

**Câu 8 : Những yếu tố nào sau đây có thể dẫn đến thâm hụt cán cân mậu dịch ( cán cân thương mại ) của 1 nước :**

Đồng nội tệ xuống giá so với ngoại tệ

Sự gia tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thu nhập của các nước đối tác mậu dịch chủ yếu tăng

Cả 3 đều sai

**Câu 9 : Những yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng đến tổng cung dài hạn :**

- Thu nhập quốc gia tăng
- Xuất khẩu tăng
- Tiền lương tăng
- Đổi mới công nghệ

**Câu 10 : Những trường hợp nào sau đây có thể tạo ra áp lực lạm phát :**

- Cán cân thanh toán thặng dư trong 1 thời gian dài :
- Giá của các nguyên liệu nhập khẩu chủ yếu gia tăng nhiều
- Một phần lớn các thâm hụt ngân sách được tài trợ bởi ngân hàng trung ương
- Cả 3 câu đều đúng

**Câu 11 : GDP thực và GDP danh nghĩa của một năm bằng nhau nếu :**

- Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm trước
- Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm gốc
- Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm trước
- Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm gốc

**Câu 12 : Nếu ngân hàng trung ương giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và tăng lãi suất chiết khấu thì khối tiền tệ sẽ :**

- Tăng
- Giảm
- Không đổi
- Không thể kết luận

**Câu 13 : Trên đồ thị , trục ngang ghi sản lượng quốc gia , trục đứng ghi mức giá chung , đường tổng cầu , AD dịch chuyển sang phải khi:**

- Nhập khẩu và xuất khẩu tăng
- Chính phủ tăng chi tiêu cho quốc phòng
- Chính phủ cắt giảm các khoản trợ cấp và giảm thuế
- Cả 3 câu đều đúng

**Câu 14: Trên đồ thị trục ngang ghi sản lượng quốc gia , trục đứng ghi mức giá chung , đường tổng cung AS dịch chuyển khi :**

- Mức giá chung thay đổi
- Chính phủ thay đổi các khoản chi ngân sách
- Thu nhập quốc gia thay đổi
- Công nghệ sản xuất có những thay đổi đáng kể

**Câu 15 : Trong cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi hoàn toàn**

- Dự trữ ngoại tệ của quốc gia thay đổi tùy theo diễn biến trên thị trường ngoại hối
- Dự trữ ngoại tệ của quốc gia tăng khi tỷ giá hối đoái giảm
- Dự trữ ngoại tệ của quốc gia không thay đổi , bất luận diễn biến trên thị trường ngoại hối
- Dự trữ ngoại tệ của quốc gia giảm khi tỷ giá hối đoái tăng

**Câu 16 :** *Nếu tỷ giá hối đoái danh nghĩa không thay đổi đáng kể, tốc độ tăng giá* trong nước nhanh hơn giá thế giới , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ :

Tăng

Giảm

Không thay đổi

Không thể kết luận

**Câu 17 : Khi đầu tư nước ngoài vào Việt nam tăng , nếu các yếu tố khác không đổi , Việt nam sẽ**

- Thặng dư hoặc giảm thâm hụt cán cân thanh toán
- Tăng xuất khẩu ròng
- Tăng thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài
- Cả 3 câu đều đúng

**Câu 18 : Nếu các yếu tố khác không đổi , lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng sẽ là :**

- Tăng
- Giảm
- Không thay đổi
- Không thể thay đổi

**Câu 19 : Nền kinh tế đang ở mức toàn dụng . Giả sử lãi suất , giá cả và tỷ giá hối đoái không đổi , nếu chính phủ giảm chi tiêu và giảm thuế một lượng bằng nhau , trạng thái của nền kinh tế sẽ thay đổi :**

- Từ suy thoái sang lạm phát
- Từ suy thoái sang ổn định
- Từ ổn định sang lạm phát
- Từ ổn định sang suy thoái

**Câu 20 : Tác động ngắn hạn của chính sách nới lỏng tiền tệ ( mở rộng tiền tệ ) trong nền kinh tế mở với cơ chế tỷ giá hối đoái linh hoạt ( thả nổi ) là :**

- Sản lượng tăng
- Thặng dư hoặc giảm thâm hụt thương mại
- Đồng nội tệ giảm giá
- Cả 3 câu đều đúng

**Câu 21 : Đối với một nước có cán cân thanh toán thâm hụt , việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài góp phần cải thiện cán cân thanh toán nhờ :**

- Tài khoản vốn thặng dư hoặc giảm thâm hụt
- Tài khoản vãng lai thặng dư hoặc giảm thâm hụt
- Xuất khẩu ròng thặng dư hoặc giảm thâm hụt
- Ngân sách chính phủ thặng dư hoặc giảm thâm hụt

**Câu 22 : Một nền kinh tế trong trạng thái toàn dụng nhân công có nghĩa là :**

- Không còn lạm phát nhưng có thể còn thất nghiệp
- Không còn thất nghiệp nhưng có thể còn lạm phát
- Không còn thất nghiệp và không còn lạm phát
- Vẫn còn tỷ lệ lạm phát và tỷ lệ thất nghiệp nhất định

**Câu 23 : Trong cơ chế tỷ giá hối đoái cố định , muốn làm triệt tiêu lượng dư cung ngoại tệ , ngân hàng trung ương phải :**

- Dùng ngoại tệ để mua nội tệ
- Dùng nội tệ để mua ngoại tệ
- Không can thiệp vào thị trường ngoại hối

Cả 3 câu đều sai

Cán cân thương mại

Cán cân thanh toán

Sản lượng quốc gia

Cả 3 câu đều đúng

**Câu 25 : Theo lý thuyết của Keynes , những chính sách nào sau đây thích hợp nhất nhằm** giảm tỷ lệ thất nghiệp

- Giảm thuế và gia tăng số mua hàng hóa của chính phủ
- Tăng thuế và giảm số mua hàng hóa của chính phủ
- Tăng thuế thu nhập và tăng số mua hàng hóa của chính phủ
- Phá giá , giảm thuế , và giảm số mua hàng hóa của chính phủ

**Câu 26 : GDP danh nghĩa là 4000 tỷ vào năm 1 và 4400 tỷ vào năm 2**

. **Nếu chọn năm 1** là năm cơ sở ( năm gốc ) thì :

- Chỉ số giá chung là 110
- Giá gia tăng bình quân là 10% mỗi năm
- GDP thực không đổi
- Cả 3 câu đều sai

- Người vay tiền sẽ có lợi
- Người cho vay sẽ có lợi
- Cả người cho vay và người đi vay đều bị thiệt
- Cả người cho vay và người đi vay đều có lợi , còn chính phủ bị thiệt

**Câu 28 : Hàm số tiêu dùng :  $C = 20 + 0,9Y$  (  $Y$  là thu nhập ) . Tiết**

**kiệm (S) ở mức thu nhập khả dụng 100 là :**

- $S = 10$
- $S = 0$
- $S = -10$
- Không thể tính được

**Câu 29 : Tác động “hắt ra” ( còn gọi là tác động “lấn át”) của chính sách tài chính** ( chính sách là tài khóa) là do :

- Tăng chi tiêu của chính phủ làm giảm lãi suất , dẫn tới tăng đầu tư , làm tăng hiệu lực kích thích tổng cầu
- Tăng chi tiêu của chính phủ làm tăng lãi suất , dẫn tới giảm đầu tư , làm giảm hiệu lực kích thích tổng cầu
- Giảm chi tiêu của chính phủ làm tăng lãi suất , dẫn tới giảm đầu tư , làm giảm hiệu lực kích thích tổng cầu
- Giảm chi tiêu của chính phủ làm giảm lãi suất , dẫn tới tăng đầu tư , làm tăng hiệu lực kích thích tổng cầu

**Câu 30 : Một chính sách kiều hối khuyến khích người Việt Nam**

**định cư ở nước ngoài** gửi tiền về cho thân nhân trong nước có tác dụng trực tiếp :

- Làm tăng GDP của Việt Nam
- Làm cho đồng tiền VN giảm giá so với ngoại tệ
- Làm tăng dự trữ ngoại tệ của VN
- Cả 3 câu đều đúng

**Câu 31 : Theo lý thuyết xác định sản lượng ( được minh họa bằng đồ thị có đường 45o),** nếu tổng chi tiêu theo kế hoạch ( tổng cầu dự kiến ) lớn hơn GDP thực ( hoặc sản lượng ) thì :

- Các doanh nghiệp sẽ giảm sản lượng để giải phóng thặng dư tồn kho so với mức tồn kho dự kiến

Các doanh nghiệp sẽ tăng hoặc giảm sản lượng tùy theo tình hình tồn kho thực tế ít hơn hay nhiều hơn mức tồn kho dự kiến



Các doanh nghiệp sẽ không thay đổi sản lượng vì tồn kho thực tế đã bằng mức tồn kho dự kiến

Các doanh nghiệp sẽ tăng sản lượng để bổ sung tồn kho cho đủ mức tồn kho dự kiến

Là một chính sách do NHTW thực hiện để kích cầu bằng cách giảm thuế , tăng trợ cấp xã hội , hoặc tăng chi tiêu ngân sách

Là một chính sách do NHTW thực hiện để kích cầu bằng cách tăng lãi suất chiết khấu , tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc , hoặc bán ra chứng khoán nhà nước .

Là một chính sách do NHTW thực hiện để kích cầu bằng cách hạ lãi suất chiết khấu , giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc , hoặc mua các chứng khoán nhà nước

Là một chính sách do NHTW thực hiện để kích cầu bằng cách phát hành trái phiếu chính phủ

**Câu 33 : Sản lượng tiềm năng ( sản lượng toàn dụng ) là mức sản lượng :**

Mà tại đó nếu tăng tổng cầu thì lạm phát sẽ tăng nhanh

Mà tại đó nền kinh tế có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất

Tối đa của nền kinh tế

Cả 3 câu đều đúng

**Câu 34 : Trong một nền kinh tế giả định đóng cửa và không có chính phủ . Cho biết mối** quan hệ giữa tiêu dùng và đầu tư với thu nhập quốc gia như sau :

Thu nhập quốc gia	Tiêu dùng dự kiến	Đầu tư dự kiến
100.000	110.000	20.000
120.000	120.000	20.000
140.000	130.000	20.000
160.000	140.000	20.000
180.000	150.000	20.000

Khuynh hướng tiêu dùng biên (MPC) khuynh hướng tiết kiệm biên (MPS) và thu nhập cân bằng ( Y ) là :

- $MPC = 0,7 ; MPS = 0,3 ; Y = 120.000$
- $MPC = 7 ; MPS = 3 ; Y = 140.000$
- $MPC = 5 ; MPS = 5 ; Y = 180.000$
- $MPC = 0,5 ; MPS = 0,5 ; Y = 150.000$

**Câu 35 : Chính sách tài chính là một công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì :**

Sự thay đổi thuế và chi tiêu ngân sách của chính phủ có tác động đến mức giá , mức GDP và mức nhân dụng

Việc đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước và phát hành cổ phiếu là cần thiết để tăng trưởng kinh tế

Sự thay đổi lãi suất tín phiếu kho bạc có tác động đến mức huy động vốn tài trợ cho bội chi ngân sách của chính phủ

Việc điều chỉnh lượng phát hành tín phiếu kho bạc và công trái quốc gia có vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế

**Câu 36 : Tính theo chi tiêu ( Tính theo luồng sản phẩm ) thì GDP là tổng cộng của :**

Tiêu dùng , đầu tư , chi tiêu của chính phủ để mua sản phẩm và dịch vụ, xuất khẩu ròng

Tiêu dùng , đầu tư , chi tiêu của chính phủ để mua sản phẩm và dịch vụ , xuất khẩu

Tiền dùng , đầu tư , chi chuyển nhượng của chính phủ , xuất khẩu ròng  
 Tiền dùng , đầu tư , chi chuyển nhượng của chính phủ , xuất khẩu

**Câu 37 : Tính theo thu nhập ( tính theo luồng thu nhập ) thì GDP là tổng cộng của :**

Tiền lương , tiền lãi , tiền thuế , lợi nhuận  
 Tiền lương trợ cấp của chính phủ , tiền lãi , lợi nhuận  
 Tiền lương , trợ cấp của chính phủ , tiền thuế , lợi nhuận  
 Tiền lương , trợ cấp của chính phủ , tiền lãi , tiền thuế

Dùng các dữ liệu sau đây để trả lời các câu 38,39,40 :

Trong một nền kinh tế giả định giá cả ,lãi suất , và tỷ giá hối đoái không đổi , Trong năm 19... ,cho biết hàm số tiêu dùng  $C = 0,75 Y_d + 400$  (  $Y_d$  là thu nhập khả dụng ) ; hàm số thuế  $T_x = 0,2Y + 400$  (  $Y$  là thu nhập hoặc GDP ) ; hàm số nhập khẩu  $M = 0,1Y + 400$  ; chi chuyển nhượng ( dự kiến) của chính phủ  $T_r = 200$  ; chi tiêu của chính phủ để mua sản phẩm dịch vụ ( dự kiến)  $G = 1000$  ; đầu tư ( dự kiến)  $I = 750$  ; xuất khẩu ( dự kiến)  $X = 400$

**Câu 38 : Thu nhập cân bằng của nền kinh tế này là :**

2000  
 3000  
 4000  
 5000

**Câu 39 : Số nhân chi tiêu dự định ( số nhân tổng cầu ) của nền kinh tế này là :**

1  
 2  
 3  
 4

**Câu 40 : Nếu chính phủ giảm thuế 100 , thu nhập cân bằng sẽ tăng thêm :**

100  
 150  
 200  
 250

**ĐỀ SỐ 2 :**

**Câu 41 :** Đường LM dịch chuyển khi các yếu tố sau thay đổi  
Thuế  
Cung tiền

Lãi suất

Yếu tố khác

**Câu 42** : Nếu chính phủ tăng chi tiêu đầu tư vào các công trình công cộng bằng toàn bộ nguồn tiền bán trái phiếu của chính phủ trên thị trường : Kết quả là

Sản lượng và lãi suất đều tăng

Sản lượng tăng , lãi suất không đổi

Sản lượng giảm , lãi suất giảm

Sản lượng giảm , lãi suất tăng

Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường tiền tệ

Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa

Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng thị trường tiền tệ

Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng trên thị trường hàng hóa

**Câu 44** : Ý nghĩa thành lập đường LM là để phản ánh sự tác động của :

Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường tiền tệ

Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa

Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng thị trường tiền tệ

Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng trên thị trường hàng hóa **Câu**

**45** : Để thực hiện kích cầu , chính sách nào sau đây hiệu quả nhất :

Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW tăng dự trữ bắt buộc đối với HTM

Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW mua chứng khoán chính phủ trên thị trường mở

Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW giảm lãi suất chiết khấu đối với NHTM

Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW bán chứng khoán chính phủ trên thị trường mở

\* **Giả thiết sau cho câu 6 và câu 7**

Kinh tế đồng , giả sử giá cả , lãi suất , tỷ giá hối đoái không đổi , ta có các hàm dự kiến sau :

$$C = 200 + 0,8Y_d$$

$$I = 150 - 40i$$

$$G = 700$$

$$T = 100 + 0,2Y$$

$$S^M = 1500$$

$$D^M = 800 + 0,3Y - 35i$$

**Câu 46** : Phương trình đường  $I$  và  $LM$  sẽ là :

$$a. \quad IS \quad : \quad i \quad = \quad -20 + 0,0086Y$$

$$LM \quad : \quad Y \quad = \quad 2695 - 111i$$

$$b. \quad IS \quad : \quad Y \quad = \quad 2695 - 111i$$

$$LM \quad : \quad i \quad = \quad -20 + 0,0086Y$$

$$c. \quad IS \quad : \quad i \quad = \quad 300 - 0,32Y$$

$$LM \quad : \quad Y \quad = \quad 29 + 120i$$

Số khác

**Câu 47** : Thị trường hàng hóa và tiền tệ sẽ cân bằng tại mức sản lượng và lãi suất

$$a. \quad Y = 2514 \text{ tỷ} \quad \text{và} \quad i = 1,62\%$$

$$b. \quad Y = 914 \text{ tỷ} \quad \text{và} \quad i = 7,37\%$$

$$c. \quad Y = 243 \text{ tỷ} \quad \text{và} \quad i = 2,2\%$$

Số khác

**Câu 48** : Trong điều kiện giả định các yếu tố không đổi , một sự cắt giảm chi tiêu hàng hóa và dịch vụ của chính phủ sẽ :

Dịch chuyển đường IS sang phải  
 Dịch chuyển đường IS sang trái  
 Dịch chuyển đường IS sang trái và đường LM sang phải  
 Dịch chuyển đường LM sang trái và đường IS sang phải

**Câu 49** : Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng thuế :

Sản lượng tăng , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân tăng  
 Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư ngân hàng giảm  
 Sản lượng giảm , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm  
 Sản lượng giảm , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân giảm

**Câu 50** : Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng chi tiêu :

Sản lượng tăng , lãi suất có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi  
 Sản lượng có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm  
 Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm vì chính sách tài khóa luôn tác động mạnh hơn chính sách tiền tệ  
 Không thể kết luận

Sự cân bằng trên thị trường tiền tệ , nhưng tổng cầu cung phải vượt quá để khỏi thiếu hụt hàng hóa

Tổng thu nhập phải bằng với tổng chi tiêu , nhưng cầu tiền phải vượt qua để tránh lạm phát

Sự cân bằng độc lập của cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

Sự cân bằng đồng thời có ở cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

**Câu 52**: Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM , để đạt sự cân bằng chung :

Sản lượng sẽ tăng và lãi suất giảm  
 Sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng  
 Sản lượng sẽ giảm và lãi suất giảm  
 Sản lượng sẽ giảm và lãi suất tăng

**Câu 53** : Giả sử do dự kiến về tương lai tốt đẹp nên tiêu dùng của dân chúng gia tăng khi đó :

IS dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất tăng  
 IS dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất giảm  
 LM dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất giảm  
 LM dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất tăng

Thị trường hàng hóa có cầu vượt quá , thị trường tiền tệ có cung vượt quá

Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cầu vượt quá

Thị trường hàng hóa có cung vượt quá , thị trường tiền tệ có cầu vượt quá

Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cung vượt quá

Sản lượng luôn cân bằng , lãi suất có thể cân bằng , có thể không

Lãi suất luôn cân bằng , sản lượng có thể cân bằng , có thể không

Sản lượng cân bằng và lãi suất cân bằng

Sản lượng và lãi suất đều không cân bằng

Tổng thu nhập bằng với tổng chi  
Cung tiền và cầu tiền bằng nhau  
a hoặc b  
a và b

Mối quan hệ nghịch biến giữa lãi suất và sản lượng cân bằng  
Mối quan hệ nghịch biến giữa sản lượng và lãi suất cân bằng  
Mối quan hệ nghịch biến giữa sản lượng và lãi suất  
Mối quan hệ nghịch biến giữa sản lượng cân bằng và lãi suất cân bằng

**Câu 58** : Đường LM dốc lên thể hiện

Khi sản lượng tăng thì lãi suất tăng  
Khi lãi suất tăng thì sản lượng tăng  
Khi sản lượng tăng thì lãi suất cân bằng tăng  
Khi lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng tăng

**Câu 59** : Trong mô hình IS – LM , khi chính phủ tăng chi tiêu đầu tư và NHTW tăng lãi suất chiết khấu

Lãi suất tăng , sản lượng giảm  
Lãi suất giảm , sản lượng tăng  
Sản lượng tăng , lãi suất không thể xác định rõ vì còn tùy  
Lãi suất tăng , sản lượng không thể xác định rõ vì còn tùy

Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để tăng đầu tư  
Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để mua công trái  
Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để gửi ngân hàng  
Tất cả các câu trên đều đúng

Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tổng cầu thay đổi một đơn vị  
Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tổng cầu thay đổi lượng ban đầu một đơn vị  
Phản ánh sự thay đổi của tổng cầu khi sản lượng thay đổi một đơn vị  
Tất cả các câu đều sai

Giá trị hàng tồn kho bằng 0  
Giá trị hàng tồn kho ngoài dự kiến bằng 0  
Tổng cung bằng tổng cầu tại sản lượng tiềm năng  
Sản lượng bằng chi tiêu thực tế của dân chúng

**Câu 63** : Nếu sản lượng thực tế thấp hơn sản lượng cân bằng những việc ngoài dự kiến nào có thể xảy ra.

Sản lượng thực tế thấp hơn chi tiêu dự kiến  
Hàng tồn kho ngoài dự kiến là số âm  
Sản lượng thực tế sẽ tăng dần  
Các câu trên đều đúng

**Câu 64** : Trong mô hình số nhân , nếu mọi người gia tăng tiết kiệm thì  
Sản lượng tăng

Sản lượng giảm  
 Sản lượng không đổi  
 Các khả năng có thể xảy ra

Phần thu nhập khả dụng tăng thêm khi sản lượng tăng thêm 1 đơn vị  
 Phần tiêu dùng giảm khi thu nhập khả dụng giảm 1 đơn vị  
 Phần tiêu dùng tăng khi thu nhập khả dụng tăng 1 đơn vị  
 Câu b và c đúng

Phần còn lại của thu nhập sau khi tiêu dùng  
 Phần còn lại của thu nhập khả dụng sau khi tiêu dùng  
 Phần tiền hộ gia đình gửi vào ngân hàng  
 Các câu trên đều đúng

**Câu 67** : Nếu lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa sẽ :

Tăng  
 Giảm  
 Không thay đổi  
 Không thể tiết kiệm

Thu nhập khả dụng  
 Thu nhập dự tính  
 Lãi suất  
 Các câu trên đều đúng

**Câu 69** : Khi tiêu dùng biên theo thu nhập khả dụng là 0.6 nghĩa là :

Khi thu nhập khả dụng tăng ( giảm) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ tăng ( giảm) 0,6 đồng  
 Khi thu nhập khả dụng tăng ( giảm) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ giảm (tăng) 0,6 đồng  
 Khi thu nhập tăng ( giảm ) 0,6 đồng thì thu nhập khả dụng sẽ tăng ( giảm ) 1 đồng  
 Các câu trên đều sai

**Câu 70** : Chính phủ tăng trợ cấp xã hội 8 tỷ đồng , biết thuế biên theo thu nhập là 0,2 tiêu dùng biên theo thu nhập khả dụng 0,9 đầu tư là hằng số . Hỏi lượng trợ cấp đó đã làm cho "thâm hụt ngân sách" thay đổi như thế nào ?

Tăng 8 tỷ  
 Giảm 8 tỷ  
 Tăng 1,6 tỷ  
 Không thể kết luận

**Câu 71** : Khoản chi nào sau đây không phải là chi chuyển nhượng ?

Tiền lãi mà chính phủ chi trả cho trái phiếu chính phủ đến hạn  
 Chi mua vũ khí , đạn dược  
 Tiền cho học bổng cho sinh viên , học sinh giỏi  
 Câu a và câu b đúng

Thuế lớn hơn chi tiêu của chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ  
 Thuế nhỏ hơn chi tiêu của chính phủ  
 Tổng thu ngân sách nhỏ hơn tổng chi ngân sách  
 Tổng thu ngân sách lớn hơn tổng chi ngân sách

**Câu 73**: Xuất phát từ điểm cân bằng gia tăng xuất khẩu sẽ :



Dẫn đến cân bằng thương mại  
 Tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước  
 Tạo ra đầu tư để thực hiện tiết kiệm  
 Dẫn đến sự cân bằng sản lượng

**Câu 74 :** Khi nền kinh tế có mức sản lượng thực tế Yt thấp hơn sản lượng tiềm năng Yp , để điều tiết nền kinh tế , chính phủ nên :

Tăng chi ngân sách và tăng thuế  
 Tăng chi ngân sách và giảm thuế  
 Giảm chi ngân sách và tăng thuế  
 Giảm chi ngân sách và giảm thuế

Tỷ giá hối đoái  
 Lãi suất và sản lượng cung ứng  
 Thuế thu nhập lũy tiến và trợ cấp thất nghiệp  
 Thuế thu nhập và trợ cấp

**Câu 76 :** Điểm khác nhau giữa số nhân của thuế và số nhân trợ cấp là :

Số nhân của thuế luôn luôn nhỏ hơn số nhân của trợ cấp  
 Số nhân của thuế thì âm , số nhân của trợ cấp thì dương  
 Số nhân của thuế thì dương , số nhân của trợ cấp thì âm  
 Không có câu nào đúng

Giá trị hàng hóa nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu  
 Giá trị hàng hóa xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu  
 Giá trị hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thay đổi  
 Giá trị hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu bằng nhau và thay đổi như nhau

**Câu 78 :** Các giám các khoản chi ngân sách của chính phủ là 1 trong những biện pháp để

Giảm tỷ lệ thất nghiệp  
 Hạn chế lạm phát  
 Tăng đầu tư cho giáo dục  
 Giảm thuế

**Câu 79 :** Chính sách tài khóa là 1 công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì :

Việc điều chỉnh lượng phát hành tín phiếu kho bạc và lãi suất có vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế  
 Sự thay đổi lượng cung tiền sẽ tác động đến lãi suất , đầu tư và mức dân dụng  
 Sự thay đổi thuế và chi tiêu ngân sách của chính phủ có tác động đến mức giá , mức sản lượng và mức nhân dụng  
 Sự thay đổi lãi suất tín phiếu kho bạc có tác động đến mức huy động vốn tài trợ cho bộ chi ngân sách của chính phủ

**Câu 80 :** Nếu tỷ giá hối đoái thực tế cao hơn tỷ giá hối đoái danh nghĩa có nghĩa là :

Nội tệ được đánh giá quá cao , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới cao  
 Nội tệ được đánh giá quá cao , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới thấp  
 Nội tệ được đánh giá thấp , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước cao  
 Nội tệ được đánh giá thấp , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước thấp

**Câu 81 :** Tình trạng khó khăn hiện nay trong việc thỏa mãn nhu cầu của cải vật chất cho xã hội chứng tỏ rằng

- Có sự giới hạn của cải để đạt được mục đích là thỏa mãn những nhu cầu có giới hạn của xã hội
- Do nguồn tài nguyên khan hiếm không thể thỏa mãn toàn bộ nhu cầu của xã hội
- Có sự lựa chọn không quan trọng trong kinh tế học
- Không có nhu cầu nào đúng

- Nguồn nhân lực
- Công nghệ
- Tiền lương danh nghĩa
- Phát hiện các loại tài nguyên mới

**Câu 83 :** Các nhà kinh tế phải tính cả GDP theo yếu tố sản xuất là để tránh GDP theo giá thị trường giả tạo do :

- |          |                          |                          |                          |                          |
|----------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giá tăng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Giá giảm | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Giá tăng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Giá giảm | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

**Câu 84 :** Dùng tỷ lệ tăng của GDP thực để phản ánh tăng trưởng kinh tế vì :

- Đã loại được yếu tố lạm phát qua các năm
- Tính theo sản lượng của năm hiện hành
- Tính theo giá hiện hành
- Các câu trên đều sai

**Câu 85 :** Để thực hiện kích cầu , chính sách nào sau đây hiệu quả nhất :

- Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW tăng dự trữ bắt buộc đối với HTM
- Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW mua chứng khoán chính phủ trên thị trường mở
- Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW giảm lãi suất chiết khấu đối với NHTM
- Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW bán chứng khoán chính phủ trên thị trường mở

**Câu 86 :** Trong cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi hoàn toàn

- Dự trữ ngoại tệ của quốc gia thay đổi tùy theo diễn biến trên thị trường ngoại hối
- Dự trữ ngoại tệ của quốc gia tăng khi tỷ giá hối đoái giảm
- Dự trữ ngoại tệ của quốc gia không thay đổi , bất luận diễn biến trên thị trường ngoại hối
- Dự trữ ngoại tệ của quốc gia giảm khi tỷ giá hối đoái tăng

**Câu 87 :** Nếu tỷ giá hối đoái danh nghĩa không thay đổi đáng kể , tốc độ tăng giá trong nước nhanh hơn giá thế giới , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ :

- Tăng
- Giảm
- Không thay đổi
- Không thể kết luận

**Câu 88 :** Trong điều kiện giả định các yếu tố không đổi , một sự cắt giảm chi tiêu hàng hóa và dịch vụ của chính phủ sẽ :

Dịch chuyển đường IS sang phải  
Dịch chuyển đường IS sang trái

Dịch chuyển đường IS sang trái và đường LM sang phải

Dịch chuyển đường LM sang trái và đường IS sang phải

**Câu 89** : Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng thuế :

Sản lượng tăng , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân tăng

Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư ngân hàng giảm

Sản lượng giảm , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm

Sản lượng giảm , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân giảm

**Câu 90** : Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng chi tiêu :

Sản lượng tăng , lãi suất có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi

Sản lượng có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm

Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm vì chính sách tài khóa luôn tác động mạnh hơn chính sách tiền tệ

Không thể kết luận

Sự cân bằng trên thị trường tiền tệ , nhưng tổng cầu cung phải vượt quá để khỏi thiếu hụt hàng hóa

Tổng thu nhập phải bằng với tổng chi tiêu , nhưng cầu tiền phải vượt qua để tránh lạm phát

Sự cân bằng độc lập của cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

Sự cân bằng đồng thời có ở cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

**Câu 92**: Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM , để đạt sự cân bằng chung :

Sản lượng sẽ tăng và lãi suất giảm

Sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng

Sản lượng sẽ giảm và lãi suất giảm

Sản lượng sẽ giảm và lãi suất tăng

**Câu 93** : Giả sử do dự kiến về tương lai tốt đẹp nên tiêu dùng của dân chúng gia tăng khi đó :

IS dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất tăng

IS dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất giảm

LM dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất giảm

LM dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất tăng

**Câu 94** : Khi nền kinh tế nằm phía phải của đường LM :

Thị trường hàng hóa có cầu vượt quá , thị trường tiền tệ có cung vượt quá

Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cầu vượt quá

Thị trường hàng hóa có cung vượt quá , thị trường tiền tệ có cầu vượt quá

Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cung vượt quá

Sản lượng luôn cân bằng , lãi suất có thể cân bằng , có thể không

Lãi suất luôn cân bằng , sản lượng có thể cân bằng , có thể không

Sản lượng cân bằng và lãi suất cân bằng

Sản lượng và lãi suất đều không cân bằng

**Câu 96** : Điểm cân bằng trong mô hình IS – LM thể hiện :

Tổng thu nhập bằng với tổng chi  
 Cung tiền và cầu tiền bằng nhau  
 a hoặc b  
 a và b

Mối quan hệ nghịch biến giữa lãi suất và sản lượng cân bằng  
 Mối quan hệ nghịch biến giữa sản lượng và lãi suất cân bằng  
 Mối quan hệ nghịch biến giữa sản lượng và lãi suất  
 Mối quan hệ nghịch biến giữa sản lượng cân bằng và lãi suất cân bằng

Khi sản lượng tăng thì lãi suất tăng  
 Khi lãi suất tăng thì sản lượng tăng  
 Khi sản lượng tăng thì lãi suất cân bằng tăng  
 Khi lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng tăng

**Câu 99** : Trong mô hình IS – LM , khi chính phủ tăng chi tiêu đầu tư và NHTW tăng lãi suất chiết khấu

Lãi suất tăng , sản lượng giảm  
 Lãi suất giảm , sản lượng tăng  
 Sản lượng tăng , lãi suất không thể xác định rõ vì còn tùy  
 Lãi suất tăng , sản lượng không thể xác định rõ vì còn tùy

Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để tăng đầu tư  
 Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để mua công trái  
 Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để gửi ngân hàng  
 Tất cả các câu trên đều đúng

Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tổng cầu thay đổi một đơn vị  
 Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tổng cầu thay đổi lượng ban đầu một đơn vị  
 Phản ánh sự thay đổi của tổng cầu khi sản lượng thay đổi một đơn vị  
 Tất cả các câu đều sai

Giá trị hàng tồn kho bằng 0  
 Giá trị hàng tồn kho ngoài dự kiến bằng 0  
 Tổng cung bằng tổng cầu tại sản lượng tiềm năng  
 Sản lượng bằng chi tiêu thực tế của dân chúng

**Câu 103** : Nếu sản lượng thực tế thấp hơn sản lượng cân bằng những việc ngoài dự kiến nào có thể xảy ra.

Sản lượng thực tế thấp hơn chi tiêu dự kiến  
 Hàng tồn kho ngoài dự kiến là số âm  
 Sản lượng thực tế sẽ tăng dần  
 Các câu trên đều đúng

**Câu 104** : Trong mô hình số nhân , nếu mọi người gia tăng tiết kiệm thì

Sản lượng tăng  
 Sản lượng giảm  
 Sản lượng không đổi

Các khả năng có thể xảy ra

Phần thu nhập khả dụng tăng thêm khi sản lượng tăng thêm 1 đơn vị

Phần tiêu dùng giảm khi thu nhập khả dụng giảm 1 đơn vị

Phần tiêu dùng tăng khi thu nhập khả dụng tăng 1 đơn vị

Câu b và c đúng

Phần còn lại của thu nhập sau khi tiêu dùng

Phần còn lại của thu nhập khả dụng sau khi tiêu dùng

Phần tiền hộ gia đình gửi vào ngân hàng

Các câu trên đều đúng

**Câu 107** : Nếu lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa sẽ :

Tăng

Giảm

Không thay đổi

Không thể tiết kiệm

Thu nhập khả dụng

Thu nhập dự tính

Lãi suất

Các câu trên đều đúng

**Câu 109** : Khi tiêu dùng biên theo thu nhập khả dụng là 0.6 nghĩa là :

Khi thu nhập khả dụng tăng ( giảm) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ tăng ( giảm) 0,6 đồng

Khi thu nhập khả dụng tăng ( giảm) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ giảm (tăng) 0,6 đồng

Khi thu nhập tăng ( giảm ) 0,6 đồng thì thu nhập khả dụng sẽ tăng ( giảm ) 1 đồng

Các câu trên đều sai

**Câu 110** : Chính phủ tăng trợ cấp xã hội 8 tỷ đồng , biết thuế biên theo thu nhập là 0,2 tiêu dùng biên theo thu nhập khả dụng 0,9 đầu tư là hằng số . Hỏi lượng trợ cấp đó đã làm cho : thâm hụt ngân sách” thay đổi như thế nào ?

Tăng 8 tỷ

Giảm 8 tỷ

Tăng 1,6 tỷ

Không thể kết luận

**Câu 111** : Khoản chi nào sau đây không phải là chi chuyển nhượng ?

Tiền lãi mà chính phủ chi trả cho trái phiếu chính phủ đến hạn

Chi mua vũ khí , đạn dược

Tiền cho học bổng cho sinh viên , học sinh giỏi

Câu a và câu b đúng

Thuế lớn hơn chi tiêu của chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ

Thuế nhỏ hơn chi tiêu của chính phủ

Tổng thu ngân sách nhỏ hơn tổng chi ngân sách

Tổng thu ngân sách lớn hơn tổng chi ngân sách

Dẫn đến cân bằng thương mại

Tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước

Tạo ra đầu tư để thực hiện tiết kiệm  
 Dẫn đến sự cân bằng sản lượng

**Câu 114** : Khi nền kinh tế có mức sản lượng thực tế Yt thấp hơn sản lượng tiềm năng Yp để điều tiết nền kinh tế , chính phủ nên :

Tăng chi ngân sách và tăng thuế  
 Tăng chi ngân sách và giảm thuế  
 Giảm chi ngân sách và tăng thuế  
 Giảm chi ngân sách và giảm thuế

Tỷ giá hối đoái  
 Lãi suất và sản lượng cung ứng  
 Thuế thu nhập lũy tiến và trợ cấp thất nghiệp  
 Thuế thu nhập và trợ cấp

**Câu 116** : Điểm khác nhau giữa số nhân của thuế và số nhân trợ cấp là :

Số nhân của thuế luôn luôn nhỏ hơn số nhân của trợ cấp  
 Số nhân của thuế thì âm , số nhân của trợ cấp thì dương  
 Số nhân của thuế thì dương , số nhân của trợ cấp thì âm  
 Không có câu nào đúng

Giá trị hàng hóa nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu  
 Giá trị hàng hóa xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu  
 Giá trị hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thay đổi  
 Giá trị hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu bằng nhau và thay đổi như nhau

**Câu 118** : Cắt giảm các khoản chi ngân sách của chính phủ là 1 trong những biện pháp để :

Giảm tỷ lệ thất nghiệp  
 Hạn chế lạm phát  
 Tăng đầu tư cho giáo dục  
 Giảm thuế

**Câu 119** : Chính sách tài khóa là 1 công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì :

Việc điều chỉnh lượng phát hành tín phiếu kho bạc và lãi suất có vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế  
 Sự thay đổi lượng cung tiền sẽ tác động đến lãi suất , đầu tư và mức dân dụng  
 Sự thay đổi thuế và chi tiêu ngân sách của chính phủ có tác động đến mức giá , mức sản lượng và mức nhân dụng  
 Sự thay đổi lãi suất tín phiếu kho bạc có tác động đến mức huy động vốn tài trợ cho bội chi ngân sách của chính phủ

**Câu 120** : Nếu tỷ giá hối đoái thực tế cao hơn tỷ giá hối đoái danh nghĩa có nghĩa là :

Nội tệ được đánh giá quá cao , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới cao  
 Nội tệ được đánh giá quá cao , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới thấp  
 Nội tệ được đánh giá thấp , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước cao  
 Nội tệ được đánh giá thấp , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước thấp

Vấn đề hiệu quả rất được quan tâm

Tiêu thụ là vấn đề đầu tiên của hoạt động kinh tế  
 Những nhu cầu không thể thỏa mãn đầy đủ  
 Tất cả các câu trên đều đúng

Tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên  
 Cao nhất của một quốc gia mà không đưa nền kinh tế vào tình trạng lạm phát cao  
 Cao nhất của một quốc gia đạt được  
 Câu (a) và (b) đúng

**Câu 123** : GDP thực và GDP danh nghĩa của năm hiện hành bằng nhau nếu  
 Tỷ lệ lạm phát năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm trước  
 Chỉ số giá năm hiện hành bằng chỉ số giá năm trước  
 Tỷ lệ lạm phát năm hiện hành bằng tỷ lệ năm gốc  
 Chỉ số giá năm hiện hành bằng chỉ số giá năm gốc

Xuất khẩu và nhập khẩu  
 Thu nhập của người nước ngoài trừ thu nhập của người trong nước  
 Thu nhập từ các yếu tố sản xuất đầu tư ở nước ngoài trừ thu nhập từ các yếu tố sản xuất của người nước ngoài đầu tư ở trong nước  
 a và c đúng

**Câu 125** : Nếu chính phủ tăng chi tiêu đầu tư vào các công trình công cộng bằng toàn bộ nguồn tiền bán trái phiếu của chính phủ trên thị trường : Kết quả là  
 Sản lượng và lãi suất đều tăng  
 Sản lượng tăng , lãi suất không đổi  
 Sản lượng giảm , lãi suất giảm  
 Sản lượng giảm , lãi suất tăng

**Câu 126** : Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng thuế :  
 Sản lượng tăng , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân tăng  
 Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư ngân hàng giảm  
 Sản lượng giảm , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm  
 Sản lượng giảm , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân giảm

**Câu 127** : Nếu tỷ giá hối đoái thực tế cao hơn tỷ giá hối đoái danh nghĩa có nghĩa là :  
 Nội tệ được đánh giá quá cao , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới cao  
 Nội tệ được đánh giá quá cao , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới thấp  
 Nội tệ được đánh giá thấp , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước cao  
 Nội tệ được đánh giá thấp , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước thấp

\* **Giải thiết sau cho câu 128 và câu 129**

Kinh tế đóng , giả sử giá cả , lãi suất , tỷ giá hối đoái không đổi , ta có các hàm dự kiến sau :

$$C = 200 + 0,8Y_d$$

$$I = 150 - 40i$$

$$G = 700$$

$$T = 100 + 0,2Y$$

$$M = 1500$$

$$D_M = 800 + 0,3Y - 35i$$

$$\begin{array}{lcl} \text{a. IS} & : & i = -20 + 0,0086Y \\ \text{LM} & : & Y = 2695 - 111i \end{array}$$



$$\begin{array}{lcl} \text{b. IS} & : & Y = 2695 - 111i \\ \text{LM} & : & i = -20 + 0,0086Y \\ \text{c. IS} & : & i = 300 - 0,32Y \\ \text{LM} & : & Y = 29 + 120i \end{array}$$

Số khác

**Câu 129** : Thị trường hàng hóa và tiền tệ sẽ cân bằng tại mức sản lượng và lãi suất

- $Y = 2514$  tỷ và  $i = 1,62\%$
- $Y = 914$  tỷ và  $i = 7,37\%$
- $Y = 243$  tỷ và  $i = 2,2\%$

Số khác

**Câu 130** : Để thực hiện kích cầu , chính sách nào sau đây hiệu quả nhất :

- Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW tăng dự trữ bắt buộc đối với HTM
- Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW mua chứng khoán chính phủ trên thị trường mở
- Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW giảm lãi suất chiết khấu đối với NHTM
- Chính phủ tăng chi , giảm thu , NHTW bán chứng khoán chính phủ trên thị trường mở

Sự cân bằng trên thị trường tiền tệ , nhưng tổng cầu cung phải vượt quá để khỏi thiếu hụt hàng hóa

Tổng thu nhập phải bằng với tổng chi tiêu , nhưng cầu tiền phải vượt qua để tránh lạm phát

Sự cân bằng độc lập của cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

Sự cân bằng đồng thời có ở cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

**Câu 132** : Ý nghĩa thành lập đường LM là để phản ánh sự tác động của :

- Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường tiền tệ
- Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa
- Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng thị trường tiền tệ
- Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng trên thị trường hàng hóa

**Câu 133**: Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM , để đạt sự cân bằng chung :

- Sản lượng sẽ tăng và lãi suất giảm
- Sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng
- Sản lượng sẽ giảm và lãi suất giảm
- Sản lượng sẽ giảm và lãi suất tăng

**Câu 134** : Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng chi tiêu :

- Sản lượng tăng , lãi suất có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi
- Sản lượng có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm
- Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm vì chính sách tài khóa luôn tác động mạnh hơn chính sách tiền tệ
- Không thể kết luận

**Câu 135** : Giả sử do dự kiến về tương lai tốt đẹp nên tiêu dùng của dân chúng gia tăng khi đó :

IS dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất tăng  
 IS dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất giảm  
 LM dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất giảm  
 LM dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất tăng

Thị trường hàng hóa có cầu vượt quá , thị trường tiền tệ có cung vượt quá  
 Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cầu vượt quá  
 Thị trường hàng hóa có cung vượt quá , thị trường tiền tệ có cầu vượt quá  
 Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cung vượt quá

Tổng thu nhập bằng với tổng chi  
 Cung tiền và cầu tiền bằng nhau  
 a hoặc b  
 a và b

Sản lượng luôn cân bằng , lãi suất có thể cân bằng , có thể không  
 Lãi suất luôn cân bằng , sản lượng có thể cân bằng , có thể không  
 Sản lượng cân bằng và lãi suất cân bằng  
 Sản lượng và lãi suất đều không cân bằng

Mối quan hệ nghịch biến giữa lãi suất và sản lượng cân bằng  
 Mối quan hệ nghịch biến giữa sản lượng và lãi suất cân bằng  
 Mối quan hệ nghịch biến giữa sản lượng và lãi suất  
 Mối quan hệ nghịch biến giữa sản lượng cân bằng và lãi suất cân bằng

**Câu 140 :** Trong mô hình IS – LM , khi chính phủ tăng chi tiêu đầu tư và NHTW tăng lãi suất chiết khấu

Lãi suất tăng , sản lượng giảm  
 Lãi suất giảm , sản lượng tăng  
 Sản lượng tăng , lãi suất không thể xác định rõ vì còn tùy  
 Lãi suất tăng , sản lượng không thể xác định rõ vì còn tùy

**Câu 141 :** Đường LM dốc lên thể hiện

Khi sản lượng tăng thì lãi suất tăng  
 Khi lãi suất tăng thì sản lượng tăng  
 Khi sản lượng tăng thì lãi suất cân bằng tăng  
 Khi lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng

tăng **Câu 142 :** Số nhân tổng cầu là một hệ số

Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tổng cầu thay đổi một đơn vị  
 Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tổng cầu thay đổi lượng ban đầu một đơn vị  
 Phản ánh sự thay đổi của tổng cầu khi sản lượng thay đổi một đơn vị  
 Tất cả các câu đều sai

**Câu 143 :** Nếu sản lượng thực tế thấp hơn sản lượng cân bằng những việc ngoài dự kiến nào có thể xảy ra.

Sản lượng thực tế thấp hơn chi tiêu dự kiến  
 Hàng tồn kho ngoài dự kiến là số âm  
 Sản lượng thực tế sẽ tăng dần

Các câu trên đều đúng

Giá trị hàng tồn kho bằng 0

Giá trị hàng tồn kho ngoài dự kiến bằng 0

Tổng cung bằng tổng cầu tại sản lượng tiềm năng

Sản lượng bằng chi tiêu thực tế của dân chúng

**Câu 145** : Trong mô hình số nhân , nếu mọi người gia tăng tiết kiệm thì

Sản lượng tăng

Sản lượng giảm

Sản lượng không đổi

Các khả năng có thể xảy ra

**Câu 146** : Tiết kiệm là

Phần còn lại của thu nhập sau khi tiêu dùng

Phần còn lại của thu nhập khả dụng sau khi tiêu dùng

Phần tiền hộ gia đình gửi vào ngân hàng

Các câu trên đều đúng

Phần thu nhập khả dụng tăng thêm khi sản lượng tăng thêm 1 đơn vị

Phần tiêu dùng giảm khi thu nhập khả dụng giảm 1 đơn vị

Phần tiêu dùng tăng khi thu nhập khả dụng tăng 1 đơn vị

Câu b và c đúng

**Câu 148** : Nếu lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa sẽ :

Tăng

Giảm

Không thay đổi

Không thể tiết kiệm

**Câu 149** : Khi tiêu dùng biên theo thu nhập khả dụng là 0.6 nghĩa là :

Khi thu nhập khả dụng tăng ( giảm) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ tăng ( giảm) 0,6 đồng

Khi thu nhập khả dụng tăng ( giảm) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ giảm (tăng) 0,6 đồng

Khi thu nhập tăng ( giảm ) 0,6 đồng thì thu nhập khả dụng sẽ tăng ( giảm ) 1 đồng

Các câu trên đều sai

Thu nhập khả dụng

Thu nhập dự tính

Lãi suất

Các câu trên đều đúng

**Câu 151** : Chính phủ tăng trợ cấp xã hội 8 tỷ đồng , biết thuế biên theo thu nhập là 0,2 tiêu dùng biên theo thu nhập khả dụng 0,9 đầu tư là hằng số . Hỏi lượng trợ cấp đó đã làm cho : thâm hụt ngân sách” thay đổi như thế nào ?

Tăng 8 tỷ

Giảm 8 tỷ

Tăng 1,6 tỷ

Không thể kết luận

Dẫn đến cân bằng thương mại

Tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước

Tạo ra đầu tư để thực hiện tiết kiệm  
 Dẫn đến sự cân bằng sản lượng

**Câu 153** : Khoản chi nào sau đây không phải là chi chuyển nhượng ?  
 Tiền lãi mà chính phủ chi trả cho trái phiếu chính phủ đến hạn  
 Chi mua vũ khí , đạn dược  
 Tiền cho học bổng cho sinh viên , học sinh giỏi  
 Câu a và câu b đúng

Thay đổi tùy theo diễn tiến trên thị trường ngoại hối  
 Không thay đổi , bất luận diễn tiến trên thị trường ngoại hối  
 Tăng khi cung ngoại tệ tăng  
 Giảm khi cầu ngoại tệ tăng

Thuế lớn hơn chi tiêu của chính phủ cho hàng hóa và dịch vụ  
 Thuế nhỏ hơn chi tiêu của chính phủ  
 Tổng thu ngân sách nhỏ hơn tổng chi ngân sách  
 Tổng thu ngân sách lớn hơn tổng chi ngân sách

**Câu 156** : Khi nền kinh tế có mức sản lượng thực tế Yt thấp hơn sản lượng tiềm năng Yp để điều tiết nền kinh tế , chính phủ nên :

Tăng chi ngân sách và tăng thuế  
 Tăng chi ngân sách và giảm thuế  
 Giảm chi ngân sách và tăng thuế  
 Giảm chi ngân sách và giảm thuế

**Câu 157** : Điểm khác nhau giữa số nhân của thuế và số nhân trợ cấp là :  
 a. Số nhân của thuế luôn luôn nhỏ hơn số nhân của trợ cấp  
 Số nhân của thuế thì âm , số nhân của trợ cấp thì dương  
 Số nhân của thuế thì dương , số nhân của trợ cấp thì âm  
 Không có câu nào đúng

Tỷ giá hối đoái  
 Lãi suất và sản lượng cung ứng  
 Thuế thu nhập lũy tiến và trợ cấp thất nghiệp  
 Thuế thu nhập và trợ cấp

**Câu 159** : Chính sách tài khóa là 1 công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì :  
 Việc điều chỉnh lượng phát hành tín phiếu kho bạc và lãi suất có vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế  
 Sự thay đổi lượng cung tiền sẽ tác động đến lãi suất , đầu tư và mức dân dụng  
 Sự thay đổi thuế và chi tiêu ngân sách của chính phủ có tác động đến mức giá , mức sản lượng và mức nhân dụng  
 Sự thay đổi lãi suất tín phiếu kho bạc có tác động đến mức huy động vốn tài trợ cho bội chi ngân sách của chính phủ

Giá trị hàng hóa nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu  
 Giá trị hàng hóa xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu  
 Giá trị hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thay đổi  
 Giá trị hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu bằng nhau và thay đổi như nhau

**Câu 161** : Phát biểu nào sau đây không đúng .

Lạm phát là tình trạng mà mức giá chung trong nền kinh tế tăng lên cao trong một khoảng thời gian nào đó

Thất nghiệp là tình trạng mà những người trong độ tuổi lao động , có đăng ký tìm việc nhưng chưa có việc làm hoặc chờ được gọi đi làm việc

Sản lượng tiềm năng là mức sản lượng thực cao nhất mà một quốc gia đạt được

Tổng cầu dịch chuyển là do chịu tác động của các nhân tố ngoài mức giá chung trong nền kinh tế

**Câu 162** : Mục tiêu ổn định của kinh tế vĩ mô là điều chỉnh tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp mức thấp nhất .

Đúng

Sai

**Câu 163** : Những yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng đến tổng cung dài hạn :

Thu nhập quốc gia tăng

Xuất khẩu tăng

Tiền lương tăng

Đổi mới công nghệ

Cuối cùng mà hộ gia đình có quyền sử dụng

Còn lại sau khi hộ gia đình đã chi tiêu tiêu dùng

Còn lại sau khi chính phủ đã thu thuế

Cuối cùng sau khi đã đóng góp các quỹ an sinh xã hội

**Câu 165** : Trong các thể loại thuế sau đây , loại nào không phải là thuế trực thu :

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập cá nhân

Thuế giá trị gia tăng

a , b và c đúng

Đó là sản phẩm mua ngoài

Đó là những sản phẩm dở dang

Nếu không loại bỏ sẽ bị tính trùng

Đó là những sản phẩm sẽ được chuyển dần giá trị vào GDP nên không cần tính

**Câu 167** : Trong cơ chế tỷ giá cố định , khi có áp lực làm tăng cung ngoại tệ NHTW sẽ :

Bán nội tệ và mua ngoại tệ

Bán ngoại tệ và mua nội tệ

Bán và mua hai ngoại tệ

Hoàn toàn không can thiệp

**Câu 168** : Bảng chi phí sản xuất của hai mặt hàng gạo và vải ở hai quốc gia A và B như sau :

	Hàng	A	B
Nước			
	Gạo	5	4

Vài	30	20
-----	----	----

Hãy kết luận lợi thế của A và B

A có lợi thế tuyệt đối ở mặt hàng gạo

A có lợi thế tương đối ở mặt hàng gạo

B có lợi thế tuyệt đối cả hai mặt hàng

b và c

**Câu 169** : Tình hình cán cân ngoại thương của Việt Nam từ năm 1990 đến nay :

Xuất siêu

Nhập siêu

Cân bằng

Có khi xuất siêu , có khi nhập siêu

**Câu 170** : Trong điều kiện kinh tế mở , tỷ giá hối đoái cố định , luồng vốn vận động hoàn toàn tự do , một sự gia tăng chi tiêu ngân sách, tác động ngắn hạn là :

Lãi suất và sản lượng đều tăng

Lãi suất giảm , sản lượng tăng

Lãi suất cao hơn lãi suất thế giới , sản lượng giảm

Lãi suất cân bằng lãi suất thế giới , sản lượng tăng

**Câu 171** : Tác động của chính sách tài khóa mở rộng trong nền kinh tế mở ( tỷ giá cố định , vốn luân chuyển tự do ) mạnh hơn tác động của nó trong nền kinh tế đóng vì :

Sản lượng tăng

Hạn chế thâm hụt cán cân ngân sách

Hạn chế tháo lui đầu tư

Hạn chế lạm phát

**Câu 172** : Tác động dài hạn của chính sách tài khóa mở rộng trong điều kiện kinh tế mở , tỷ giá hối đoái cố định , vốn vận động tự do là :

Thặng dư cán cân thương mại, lãi suất và sản lượng trở về mức cũ

Thâm hụt cán cân thương mại , lãi suất và sản lượng trở về mức cũ

Thâm hụt cán cân ngân sách , lãi suất và sản lượng đều tăng

Thặng dư cán cân ngân sách , lãi suất không đổi , sản lượng tăng

**Câu 173** : Kết quả của chính sách tiền tệ mở rộng trong điều kiện kinh tế mở , tỷ giá cố định , vốn luân chuyển tự do là :

Lãi suất cân bằng với lãi suất thế giới , sản lượng tăng

Lãi suất nhỏ hơn lãi suất thế giới , sản lượng tăng

Lãi suất và sản lượng trở về mức cũ

Các câu trên đều sai

**Câu 174** : Trong điều kiện kinh tế mở , vốn luân chuyển tự do , các tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ trong cơ chế tỷ giá cố định khác biệt so với tác động của chúng khi tỷ giá linh hoạt vì :

Chính phủ phải can thiệp vào thị trường ngoại hối để cố định tỷ giá

Chính sách tiền tệ sẽ bị ảnh hưởng nếu muốn cố định giá

a và b

Các câu trên đều sai

**Câu 175** : Khi kinh tế mở , vốn luân chuyển tự do , chính sách tài khóa mở rộng trong cơ chế tỷ giá linh hoạt kém hiệu quả hơn khi tỷ giá cố định vì

Sản lượng không tăng lên  
 Cán cân thương mại xấu đi  
 Có sự tháo lui đầu tư  
 a, b, c đúng

**Câu 176 :** Với cơ chế tỷ giá cố định , vốn luân chuyển tự do , chính sách tiền tệ trong điều kiện kinh tế mở so với chính sách này trong kinh tế đóng là :

Hiệu quả hơn  
 Kém hiệu quả hơn  
 Tương đương nhau  
 Không thể so sánh

**Câu 177 :** Tác động của chính sách tiền tệ thu hẹp khi kinh tế mở , vốn luân chuyển tự do tỷ giá linh hoạt là :

Sản lượng giảm , lãi suất trở về mức cũ  
 Cán cân thương mại thâm hụt hơn trước  
 Đồng nội tệ tăng giá  
 a, b, c

**Câu 178 :** Khi chính phủ vay nợ nước ngoài để cân đối cán cân thanh toán khoản này sẽ được ghi vào :

Cán cân vãng lai  
 Cán cân vốn  
 Hạng mục cân đối  
 Tài trợ chính thức

**Câu 179 :** Khi chính phủ vay nợ nước ngoài để đầu tư cho cơ sở hạ tầng hoặc thay đổi cơ cấu kinh tế , khoản này sẽ được phản ánh ở mục :

Cán cân vãng lai  
 Cán cân vốn  
 Hạng mục cân đối  
 d. Tài trợ chính thức

**Câu 180 :** Với chính sách tiền tệ mở rộng trong nền kinh tế mở , vốn luân chuyển tự do , tỷ giá linh hoạt sẽ gây ra tác động ngắn hạn là :

Sản lượng tăng  
 Cán cân thương mại thặng dư hơn trước  
 Đồng nội tệ giảm giá  
 a, b, c đúng

**Câu 181 :** Tỷ giá hối đoái tăng chậm hơn trong nước ( giả sử giá nước ngoài không đổi ) Muốn tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước , biện pháp tốt nhất là :

Tăng tỷ giá  
 Giảm tỷ giá  
 Tăng năng suất , cải tiến kỹ thuật để làm giảm giá trong nước  
 b và c

**Câu 182 :** Nếu tỷ giá hối đoái danh nghĩa không thay đổi đáng kể , tốc độ tăng giá trong nước nhanh hơn giá thế giới , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ

Tăng  
 Giảm  
 Không thay đổi  
 Không thể kết luận

**Câu 183 :** Khi đầu tư nước ngoài vào Việt nam tăng , Việt nam sẽ :

Thặng dư hoặc giảm thâm hụt cán cân thanh toán

Giảm chuyển nhượng ròng từ nước ngoài

Tăng xuất khẩu ròng

a và b đúng

**Câu 184 :** Trong điều kiện giả định các yếu tố không đổi , một sự cắt giảm chi tiêu hàng hóa và dịch vụ của chính phủ sẽ :

Dịch chuyển đường IS sang phải

Dịch chuyển đường IS sang trái

Dịch chuyển đường IS sang trái và đường LM sang phải

Dịch chuyển đường LM sang trái và đường IS sang

phải **Câu 185 :** Đường LM dịch chuyển khi các yếu tố sau thay đổi

Thuế

Cung tiền

Lãi suất

Yếu tố khác

**Câu 186 :** Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng thuế :

Sản lượng tăng , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân tăng

Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư ngân hàng giảm

Sản lượng giảm , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm

Sản lượng giảm , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân giảm

**Câu 187 :** Nếu các yếu tố khác không đổi , lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng sẽ là :

Tăng

Giảm

Không thay đổi

Không thể thay đổi

Sự cân bằng trên thị trường tiền tệ , nhưng tổng cầu cung phải vượt quá để khỏi thiếu hụt hàng hóa

Tổng thu nhập phải bằng với tổng chi tiêu , nhưng cầu tiền phải vượt qua để tránh lạm phát

Sự cân bằng độc lập của cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

Sự cân bằng đồng thời có ở cả hai thị trường : thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

**Câu 189 :** Ý nghĩa thành lập đường LM là để phản ánh sự tác động của :

Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường tiền tệ

Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa

Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng thị trường tiền tệ

Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng trên thị trường hàng hóa

**Câu 190 :** Giả sử do dự kiến về tương lai tốt đẹp nên tiêu dùng của dân chúng gia tăng khi đó :

IS dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất tăng

IS dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất giảm

LM dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất giảm

LM dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất tăng



**Câu 191** : Số nhân tổng cầu là một hệ số

Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tổng cầu thay đổi một đơn vị

Phản ánh sự thay đổi của sản lượng khi tổng cầu thay đổi lượng ban đầu một đơn vị

Phản ánh sự thay đổi của tổng cầu khi sản lượng thay đổi một đơn vị

Tất cả các câu đều sai

**Câu 192** : Trong mô hình số nhân , nếu mọi người gia tăng tiết kiệm thì

Sản lượng tăng

Sản lượng giảm

Sản lượng không đổi

Các khả năng có thể xảy ra

**Câu 193** : Nếu lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa sẽ :

Tăng

Giảm

Không thay đổi

Không thể tiết kiệm

Thu nhập khả dụng

Thu nhập dự tính

Lãi suất

Các câu trên đều đúng

Dẫn đến cân bằng thương mại

Tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước

Tạo ra đầu tư để thực hiện tiết kiệm

Dẫn đến sự cân bằng sản lượng

Thay đổi tùy theo diễn tiến trên thị trường ngoại hối

Không thay đổi , bất luận diễn tiến trên thị trường ngoại hối

Tăng khi cung ngoại tệ tăng

Giảm khi cầu ngoại tệ tăng

**Câu 197** : GDP danh nghĩa năm 1997 là 6000 tỷ . GDP danh nghĩa năm 1998 là 6500 tỷ .

Chỉ số giá năm 1997 là 120. Chỉ số giá năm 1998 là 125 . Tỷ lệ tăng trưởng năm 1998 là

:

8,33 %

4%

4,5%

10%

Giảm lượng cung tiền , tăng lãi suất

Giảm chi ngân sách và tăng thuế

a và b đều đúng

a và b đều sai

**Câu 199** : Sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng khác nhau ở :

Mục đích sử dụng

Thời gian tiêu thụ

- Độ bền trong quá trình sử dụng  
Cả 3 câu đều đúng
- Câu 200** : Ngân hàng trung ương có thể làm thay đổi cung nội tệ bằng cách :  
Mua hoặc bán trái phiếu chính phủ  
Mua hoặc bán ngoại tệ  
a và b đều đúng  
a và b đều sai
- Câu 201** : “ Tỷ lệ thất nghiệp ở nhiều nước rất cao” câu nói này thuộc :  
Kinh tế vĩ mô  
Kinh tế vi mô  
Kinh tế thực chứng  
a và c đúng
- Câu 202** : “Chỉ số hàng tiêu dùng ở Việt Nam tăng khoảng 20% mỗi năm trong giai đoạn 1992 – 1995” câu nói này thuộc :  
Kinh tế vi mô và thực chứng  
Kinh tế vĩ mô và thực chứng  
Kinh tế vi mô và chuẩn tắc  
Kinh tế vĩ mô và chuẩn tắc
- Câu 203** : Tổng cung dài hạn có thể thay đổi khi :  
Có sự thay đổi về lãi suất  
Các nguồn lực sản xuất thay đổi  
Chính phủ thay đổi chi tiêu ngân sách  
Nhập khẩu máy móc thiết bị
- Tiền lương , thuế thu nhập , tiền lãi , tiền thuê , lợi nhuận  
Tiền lương , trợ cấp , khấu hao , tiền lãi , tiền thuê  
Tiền lương , tiền lãi , tiền thuê , lợi nhuận , khấu hao và thuế gián thu  
Tiền lãi , tiền thuê , lợi nhuận , khấu hao , thuế gián thu .
- Câu 205** : Trong nền kinh tế giả định chỉ có 3 doanh nghiệp : Dệt sợi , dệt vải và may mặc. Sản phẩm của doanh nghiệp trước được bán hết cho doanh nghiệp sau và được dùng hết trong sản xuất. Giá trị sản lượng của dệt sợi 100 tỷ , dệt vải 200 tỷ , may mặc 300 tỷ . GDP của quốc gia này là :  
600 tỷ  
400 tỷ  
500 tỷ  
300 tỷ
- Thuộc quyền sở hữu của công dân quốc gia đó  
Không kê thu nhập từ các yếu tố sản xuất kiếm được ở nước ngoài  
Không kê thu nhập tạo ra trong nước  
a , b , c đều sai
- Câu 207** : Khi đầu tư nước ngoài vào Việt nam tăng , nếu các yếu khác không đổi , Việt nam sẽ  
Thặng dư hoặc giảm thâm hụt cán cân thanh toán  
Tăng xuất khẩu ròng  
Tăng thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài

Cả 3 câu đều đúng

**Câu 208 :** Nền kinh tế đang ở mức toàn dụng . Giả sử lãi suất , giá cả và tỷ giá hối đoái không đổi , nếu chính phủ giảm chi tiêu và giảm thuế một lượng bằng nhau , trạng thái của nền kinh tế sẽ thay đổi :

Từ suy thoái sang lạm phát

Từ suy thoái sang ổn định

Từ ổn định sang lạm phát

Từ ổn định sang suy thoái

**Câu 209 :** Tác động ngắn hạn của chính sách nới lỏng tiền tệ ( mở rộng tiền tệ ) trong nền kinh tế mở với cơ chế tỷ giá hối đoái linh hoạt ( thả nổi ) là :

Sản lượng tăng

Thặng dư hoặc giảm thâm hụt thương mại

Đồng nội tệ giảm giá

Cả 3 câu đều đúng

**Câu 210 :** Theo lý thuyết xác định sản lượng ( được minh họa bằng đồ thị có đường 45o), nếu tổng chi tiêu theo kế hoạch ( tổng cầu dự kiến ) lớn hơn GDP thực ( hoặc sản lượng ) thì :

Các doanh nghiệp sẽ giảm sản lượng để giải phóng thặng dư tồn kho so với mức tồn kho dự kiến

Các doanh nghiệp sẽ tăng hoặc giảm sản lượng tùy theo tình hình tồn kho thực tế ít hơn hay nhiều hơn mức tồn kho dự kiến

Các doanh nghiệp sẽ không thay đổi sản lượng vì tồn kho thực tế đã bằng mức tồn kho dự kiến

Các doanh nghiệp sẽ tăng sản lượng để bổ sung tồn kho cho đủ mức tồn kho dự kiến

**Câu 211 :** Nếu chính phủ tăng chi tiêu đầu tư vào các công trình công cộng bằng toàn bộ nguồn tiền bán trái phiếu của chính phủ trên thị trường : Kết quả là

Sản lượng và lãi suất đều tăng

Sản lượng tăng , lãi suất không đổi

Sản lượng giảm , lãi suất giảm

Sản lượng giảm , lãi suất tăng

**Câu 212 :** Ý nghĩa thành lập đường LM là để phản ánh sự tác động của :

Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường tiền tệ

Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa

Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng thị trường tiền tệ

Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng trên thị trường hàng hóa **Câu**

**213 :** Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng chi tiêu :

Sản lượng tăng , lãi suất có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi

Sản lượng có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm

Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm vì chính sách tài khóa luôn tác động mạnh hơn chính sách tiền tệ

Không thể kết luận

**Câu 214:** Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM , để đạt sự cân bằng chung :

Sản lượng sẽ tăng và lãi suất giảm

Sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng  
 Sản lượng sẽ giảm và lãi suất giảm  
 Sản lượng sẽ giảm và lãi suất tăng

Thị trường hàng hóa có cầu vượt quá , thị trường tiền tệ có cung vượt quá  
 Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cầu vượt quá  
 Thị trường hàng hóa có cung vượt quá , thị trường tiền tệ có cầu vượt quá  
 Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cung vượt quá

Tổng thu nhập bằng với tổng chi  
 Cung tiền và cầu tiền bằng nhau  
 a hoặc b  
 a và b

Khi sản lượng tăng thì lãi suất tăng  
 Khi lãi suất tăng thì sản lượng tăng  
 Khi sản lượng tăng thì lãi suất cân bằng tăng  
 Khi lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng tăng **Câu**

**218** : Nghịch lý của tiết kiệm không còn đúng khi :  
 Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để tăng đầu tư  
 Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để mua công trái  
 Tăng tiết kiệm và dùng tiền đó để gửi ngân hàng  
 Tất cả các câu trên đều đúng

Giá trị hàng tồn kho bằng 0  
 Giá trị hàng tồn kho ngoài dự kiến bằng 0  
 Tổng cung bằng tổng cầu tại sản lượng tiềm năng  
 Sản lượng bằng chi tiêu thực tế của dân chúng

**Câu 220** : Trong mô hình số nhân , nếu mọi người gia tăng tiết kiệm thì  
 Sản lượng tăng  
 Sản lượng giảm  
 Sản lượng không đổi  
 Các khả năng có thể xảy ra

**Câu 221** : Nếu lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa sẽ :  
 Tăng  
 Giảm  
 Không thay đổi  
 Không thể tiết kiệm

**Câu 222** : Khi tiêu dùng biên theo thu nhập khả dụng là 0.6 nghĩa là :  
 Khi thu nhập khả dụng tăng ( giảm ) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ tăng ( giảm ) 0,6 đồng  
 Khi thu nhập khả dụng tăng ( giảm ) 1 đồng thì tiêu dùng sẽ giảm ( tăng ) 0,6 đồng  
 Khi thu nhập tăng ( giảm ) 0,6 đồng thì thu nhập khả dụng sẽ tăng ( giảm ) 1 đồng  
 Các câu trên đều sai

**Câu 223** : Khoản chi nào sau đây không phải là chi chuyển nhượng ?  
 Tiền lãi mà chính phủ chi trả cho trái phiếu chính phủ đến hạn  
 Chi mua vũ khí , đạn dược

Tiền cho học bổng cho sinh viên , học sinh giỏi

Câu a và câu b đúng

**Câu 224** : Một quốc gia muốn duy trì tỷ giá hối đoái cố định , ngân hàng trung ương phải dùng các công cụ sau :

Chính sách ngoại thương

Chính sách quản lý nhu cầu ngoại tệ

Dự trữ ngoại hối

Cả 3 yếu tố trên

**Câu 225** : Khi tỷ giá hối đoái tăng lên và giá cả hàng hóa ở các nước cũng thay đổi sẽ làm cho

Xuất khẩu tăng

Nhập khẩu tăng

Xuất khẩu giảm

Không đủ cơ sở để kết luận

Cán cân thanh toán quốc gia

Cán cân thương mại

Tổng cầu

Ba đáp số trong câu này đều đúng

**Câu 227** : Tình hình cán cân ngoại thương của Việt Nam từ năm 1990 đến nay :

Xuất siêu

Nhập siêu

Cân bằng

Có khi xuất siêu , có khi nhập siêu

**Câu 228** : Trong điều kiện kinh tế mở , tỷ giá hối đoái cố định , luồng vốn vận động hoàn toàn tự do , một sự gia tăng chi tiêu ngân sách, tác động ngắn hạn là :

Lãi suất và sản lượng đều tăng

Lãi suất giảm , sản lượng tăng

Lãi suất cao hơn lãi suất thế giới , sản lượng giảm

Lãi suất cân bằng lãi suất thế giới , sản lượng tăng

**Câu 229** : Tác động của chính sách tài khóa mở rộng trong nền kinh tế mở ( tỷ giá cố định , vốn luân chuyển tự do ) mạnh hơn tác động của nó trong nền kinh tế đóng vì :

Sản lượng tăng

Hạn chế thâm hụt cán cân ngân sách

Hạn chế tháo lui đầu tư

Hạn chế lạm phát

**Câu 230** : Trong điều kiện kinh tế mở , vốn luân chuyển tự do , các tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ trong cơ chế tỷ giá cố định khác biệt so với tác động của chúng khi tỷ giá linh hoạt vì :

Chính phủ phải can thiệp vào thị trường ngoại hối để cố định tỷ giá

Chính sách tiền tệ sẽ bị ảnh hưởng nếu muốn cố định giá

a và b

Các câu trên đều sai

**Câu 231** : Tính theo chi tiêu ( Tính theo luồng sản phẩm ) thì GDP là tổng cộng của :

Tiền dùng , đầu tư , chi tiêu của chính phủ để mua sản phẩm và dịch vụ, xuất khẩu ròng

Tiêu dùng , đầu tư , chi tiêu của chính phủ để mua sản phẩm và dịch vụ , xuất khẩu

Tiêu dùng , đầu tư , chi chuyển nhượng của chính phủ , xuất khẩu ròng

Tiêu dùng , đầu tư , chi chuyển nhượng của chính phủ , xuất khẩu

**Câu 232** : Tính theo thu nhập ( tính theo luồng thu nhập ) thì GDP là tổng cộng của :

Tiền lương , tiền lãi , tiền thuế , lợi nhuận

Tiền lương trợ cấp của chính phủ , tiền lãi , lợi nhuận

Tiền lương , trợ cấp của chính phủ , tiền thuế , lợi nhuận

Tiền lương , trợ cấp của chính phủ , tiền lãi , tiền thuế

**Câu 233** : Sản lượng tiềm năng ( sản lượng toàn dụng ) là mức sản lượng :

Mà tại đó nếu tăng tổng cầu thì lạm phát sẽ tăng nhanh

Mà tại đó nền kinh tế có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất

Tối đa của nền kinh tế

Cả 3 câu đều đúng

**Câu 234** : Trong một nền kinh tế giả định đóng cửa và không có chính phủ . Cho

biết mối quan hệ giữa tiêu dùng và đầu tư với thu nhập quốc gia như sau :

Thu nhập quốc gia	Tiêu dùng dự kiến	Đầu tư dự kiến
100.000	110.000	20.000
120.000	120.000	20.000
140.000	130.000	20.000
160.000	140.000	20.000
180.000	150.000	20.000

Khuynh hướng tiêu dùng biên (MPC) khuynh hướng tiết kiệm biên (MPS) và thu nhập cân bằng ( Y ) là :

a.  $MPC = 0,7$  ;  $MPS = 0,3$  ;  $Y = 120.000$

b.  $MPC = 7$  ;  $MPS = 3$  ;  $Y = 140.000$

c.  $MPC = 5$  ;  $MPS = 5$  ;  $Y = 180.000$

d.  $MPC = 0,5$  ;  $MPS = 0,5$  ;  $Y = 150.000$

**Câu 235** : Chính sách tài chính là một công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì :

Sự thay đổi thuế và chi tiêu ngân sách của chính phủ có tác động đến mức giá , mức GDP và mức nhân dụng

Việc đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước và phát hành cổ phiếu là cần thiết để tăng trưởng kinh tế

Sự thay đổi lãi suất tín phiếu kho bạc có tác động đến mức huy động vốn tài trợ cho bội chi ngân sách của chính phủ

Việc điều chỉnh lượng phát hành tín phiếu kho bạc và công trái quốc gia có vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế

**Câu 236** : Một nền kinh tế trong trạng thái toàn dụng nhân công có nghĩa là :

a. Không còn lạm phát nhưng có thể còn thất nghiệp

Không còn thất nghiệp nhưng có thể còn lạm phát

Không còn thất nghiệp và không còn lạm phát

Vẫn còn tỷ lệ lạm phát và tỷ lệ thất nghiệp nhất định

**Câu 237** : Trong cơ chế tỷ giá hối đoái cố định , muốn làm triệt tiêu lượng dư cung

ngoại tệ , ngân hàng trung ương phải :

Dùng ngoại tệ để mua nội tệ

Dùng nội tệ để mua ngoại tệ

Không can thiệp vào thị trường ngoại hối  
Cả 3 câu đều sai

Cán cân thương mại  
Cán cân thanh toán  
Sản lượng quốc gia  
Cả 3 câu đều đúng

**Câu 239** : Theo lý thuyết của Keynes , những chính sách nào sau đây thích hợp nhất nhằm giảm tỷ lệ thất nghiệp

Giảm thuế và gia tăng số mua hàng hóa của chính phủ  
Tăng thuế và giảm số mua hàng hóa của chính phủ  
Tăng thuế thu nhập và tăng số mua hàng hóa của chính phủ  
Phá giá , giảm thuế , và giảm số mua hàng hóa của chính phủ

**Câu 240** : GDP danh nghĩa là 4000 tỷ vào năm 1 và 4400 tỷ vào năm 2 . Nếu chọn năm 1 là năm cơ sở ( năm gốc ) thì :

Chỉ số giá chung là 110  
Giá gia tăng bình quân là 10% mỗi năm  
GDP thực không đổi  
Cả 3 câu đều sai

## ĐÁP ÁN

**Đáp án Câu 1** : b

Giải thích : \*  $GDP_{\text{thực}} 1997 = 6000/120 = 50$  tỷ

$$GDP_{\text{thực}} 1998 = 6500/125 = 52 \text{ tỷ}$$

$$\Rightarrow \text{Tỷ lệ tăng trưởng} = (52-50)/50 \times 100\% = 4\%$$

**Đáp án Câu 2** : c

Giải thích : Khi nền kinh tế có lạm phát , lúc đó đồng tiền bị mất giá ( hay nói cách khác là dư tiền ) => để giảm lạm phát nên giảm lượng cung tiền và chi ngân sách. Mặt khác tăng lãi suất và tăng thuế để giảm lượng tiền đầu tư => giảm lạm phát

**Đáp án Câu 3** : c

Giải thích : Theo đề bài ta có :  $m = 60\% = 0,6$   
 $d = 20\% = 0,2$

$$\Delta H = -5 \text{ (tỷ đồng)}$$

$$\text{Suy ra : } k^M = (m+1)/(m+d) = (0,6+1)/(0,6+0,2) = 2$$

Do ở đây m và d không đổi nên ta có :

$$\Delta M_1 = k^m \cdot \Delta H = 2 \times (-5) = -10$$

Vậy khối tiền tệ ↓ bớt 10 tỷ đồng

**Đáp án Câu 4 : d**

⇒  
Giải thích

Khác nhau	Sản phẩm trung gian	Sản phẩm cuối cùng
Mục đích sử dụng	- Mang tính chất tạm thời , được dùng để chuyển tải hoặc biến đổi để thành sản phẩm cuối cùng	- Mang t/c lâu dài , là mục đích của SX , sử dụng
Thời gian tiêu thụ	- Thông thường ngắn hạn hoặc trung hạn	- Dài hạn
Độ bền trong quá trình sử dụng	- Thông thường chỉ dùng được trong thời gian ngắn ( tuy nhiên còn phụ thuộc vào các yếu tố như : quá trình sử dụng , chất liệu cấu thành...)	- Được dùng trong thời gian dài ( cũng phụ thuộc vào các yếu tố như sản phẩm trung gian)

**Đáp án Câu 5 : c**

Giải thích : Khi muốn thay đổi lượng cung nội tệ , NHTW có thể mua hoặc bán trái phiếu chính phủ hoặc ngoại tệ vì :

+ Trái phiếu chính phủ :

Bán : người dân sẽ dùng nội tệ để mua => ↓ lượng nội tệ ngoài thị trường

Mua : Người dân sẽ bán trái phiếu lại cho chính phủ => Chính phủ sẽ đưa một

lượng nội tệ ra để mua lại trái phiếu => ↑ lượng cung nội tệ + Ngoại tệ

Bán : Người dân có xu hướng dùng nội tệ mua ngoại tệ để tích lũy hoặc trao đổi mua bán => ↓ lượng cung nội tệ

Mua : Chính phủ dùng nội tệ mua ngoại tệ => ↑ lượng cung nội tệ

Ở đây có thể xét rộng hơn là : các doanh nghiệp tư nhân , doanh nghiệp NN...

**Đáp án Câu 6 : c**

**Đáp án Câu 7 : b**

Giải thích : NHTW có thể làm tăng cơ sở tiền tệ ( tiền mạnh) bằng cách cho các

NHTM vay . Nhưng trước hết , NHTW phải ↓ lãi suất

Chiết khấu => các NHTM sẽ vay nhiều hơn => ↑ lượng tiền mạnh ( cơ sở tiền tệ )

**Đáp án Câu 8 : d**



Giải thích : Cán cân mậu dịch ( cán cân thương mại) là thg số giữa xuất và nhập khẩu:  $X - M$

đây , đồng nội tệ xuống giá so với ngoại tệ, điều này có thể làm tăng hoặc thâm hụt cán cân thương mại và còn tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố khác...

Sự gia tăng đầu tư trực tiếp từ nước ngoài điều này cũng không thể xác định được vì còn phụ thuộc vào mục đích đầu tư ...

Thu nhập của các nước đối tác mậu dịch chủ yếu tăng : điều này cũng không thể xác định được vì phụ thuộc vào thị hiếu và nhu cầu của các nước này ...

**Đáp án Câu 9 : d**

Giải thích : Vì đầu tư có ảnh hưởng đến tổng cung trong dài hạn . Đầu tư có nghĩa là đổi mới công nghệ , thay thế công nghệ cũ lỗi thời bằng công nghệ tiên tiến => tạo ra nhiều sản phẩm => ↑ tổng cung

**Đáp án Câu 10 : d**

Giải thích : Cán cân thương mại thặng dư trong thời gian dài => thừa tiền => lạm phát

Giá của các nguyên vật liệu chủ yếu tăng nhiều => chi phí sx ↑ => giá sản phẩm ra thị trường => lạm phát

Một phần lớn các thâm hụt quốc gia được tài trợ bởi NHTW => chi tiêu của chính phủ nhiều hơn phần thu được do thuế, lãi suất... và được NHTW tài trợ => lượng cung tiền ↑ => lạm phát

**Đáp án Câu 11 : d**

Giải thích : Vì chỉ số giá được tính bởi tỉ số giữa  $GDP_{\text{danh nghĩa}}$  với  $GDP_{\text{thực}}$

**Đáp án Câu 12: d**

Giải thích : Khi ↓ tỷ lệ dự trữ bắt buộc thì khối tiền tệ sẽ ↑  
 Khi ↑ lãi suất chiết khấu thì làm ↓ khối tiền tệ  
 => Không thể kết luận vì không biết được con số cụ thể

**Đáp án Câu 13 : d**

Giải thích :  $AD = C + I + G + X - M$   
 Ta có :  $(X - M) \uparrow \rightarrow AD \uparrow \rightarrow$  Dịch chuyển sang phải .  
 $G \uparrow \rightarrow \uparrow AD$  Dịch chuyển sang phải  
 $\downarrow T \rightarrow \uparrow I, C \uparrow, (X - M) \uparrow \rightarrow AD \uparrow \rightarrow$  Dịch chuyển sang phải

**Đáp án Câu 14 : a**

Giải thích : Khi mức giá chung thay đổi sẽ làm dịch chuyển AS

**Đáp án Câu 15 : a**

Giải thích : Thị trường ngoại hối là thị trường mua bán ngoại tệ . Ví dụ như : nếu ngoại tệ có xu hướng tăng nhiều ngoài thị trường thì nhà nước dùng nội tệ để mua ngoại tệ nhằm ổn định thị trường ngoại hối => mua ngoại tệ . Và ngược lại

**Đáp án Câu 16 : d**

Giải thích : Nếu tỉ giá hối đoái danh nghĩa không đổi tốc độ tăng giá trong nước nhanh hơn giá Thế giới , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ còn phụ thuộc vào tỉ giá hối đoái của trong nước so với nước ngoài, phụ thuộc vào yếu tố môi trường , thị hiếu...

**Đáp án Câu 17 : d**

Giải thích : Cán cân thanh toán không chỉ bao gồm yếu tố đầu tư từ nước ngoài mà còn bao gồm xuất - nhập khẩu dịch vụ nước ngoài...

Xuất khẩu ròng ( X-M) : nếu tăng đầu tư từ nước ngoài => tăng Y => thặng dư Y trong nước => Xuất khẩu => ( X - M )

Tất yếu : khi I nước ngoài tăng thì thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài tăng

**Đáp án Câu 18 : b**

Giải thích : Các yếu tố khác không đổi , r tăng thì Y cân bằng sẽ giảm là do I giảm

**Đáp án Câu 19 : c**

Giải thích : Từ khi nền kinh tế ở mức toàn dụng thì sản lượng mà nền kinh tế đạt được tương ứng với tỉ lệ thất nghiệp tự nhiên ( Un) và tỷ lệ lạm phát vừa phải => có thể chấp nhận được => ổn định

T giảm => Yd tăng ( thu nhập khả dụng ) => người dân chi tiêu => lạm phát ( do Yd tăng )  
=> Q tăng và I tăng

↓ => AD ↓ => Y ↓ => suy thoái

Xét :  $AD = C + I + G + X - M$

**Đáp án Câu 20 : d**

Giải thích : Chính sách mở rộng tiền tệ

{ ↓

tỷ lệ dự trữ bắt buộc  
 ↓  
 Lãi suất chiết khấu  
 Mua CK của chính phủ  
 => Y ↑

=> Thặng dư hoặc thâm hụt thương mại vì còn phụ thuộc vào việc bao nhiêu lãi suất chiết khấu ... dẫn đến đầu tư nhiều hay ít  
 => đồng nội tệ giá ( do Y ↑ )

**Đáp án Câu 21 : a**

Giải thích : Tài khoản vốn thặng dư hoặc thâm hụt  
 Việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài góp phần cải thiện cán cân thanh toán nhờ tài khoản vốn thặng dư hoặc thâm hụt do I

**Đáp án Câu 22 : d**

Giải thích : Trạng thái toàn dụng có nghĩa là sản lượng mà nền kinh tế đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên ( $U_n$ ) và tỷ lệ lạm phát vừa phải mà nền kinh tế có thể chấp nhận được => vẫn còn 1 tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp nhất định

**Đáp án Câu 23 : b**

**Đáp án Câu 24 : d**

Giải thích : Vì cán cân thương mại , cán cân thanh toán và sản lượng quốc gia đều có liên quan đến việc mua bán , trao đổi , xuất nhập khẩu trong nước và nước ngoài => liên quan đến mối quan hệ giữa nội tệ và ngoại tệ => tỷ giá hối đoái

**Đáp án Câu 25 : a**

Giải thích : Vì thuế ↓ =>  $Y_d$  ↑ => C ↑ => đòi Y ↑ ( sản lượng )  
 ↑ => I phải ↑ => đòi hỏi nhiều lao động => | thất nghiệp  
 G => đòi hỏi Y ↑ ( sản lượng ) => I phải ↑  
 => Đòi hỏi nhiều lao động => ↓ thất nghiệp

**Đáp án Câu 26 : a**

Giải thích : Chọn năm 1 làm gốc tức là :

$$GDP_{\text{đanh nghĩa 1}} = GDP_{\text{thực 1}} = 4000$$

$$\Rightarrow P_1 = 1$$

$$P_2 = ( \text{GDP danh nghĩa 2} ) / \text{GDP}_{\text{thực 1}} = 4400/4000 =$$

110% **Đáp án Câu 27** : c

Giải thích : Nếu lạm phát thực tế cao hơn lạm phát dự đoán thì :

Khi đi vay , người vay đã dự tính được thiệt hơn về số tiền vay => quyết định vay A ( đvtt) . Lạm phát sẽ làm cho A giá trị ( nghĩa là cũng với số tiền A nhưng giá trị bị ) => người đi vay bị thiệt

Khi cho vay , người cho vay cũng dự tính được phần tiền lãi mình thu về sau khi cho người đi vay vay nợ , Lạm phát làm cho đồng tiền cho vay mất giá. Vì đã cho vay ( có kí kết hợp đồng về thời gian vay , số tiền lãi người đi vay phải trả ... ) nên người cho vay không thể thay đổi phần lợi nhuận đã thỏa thuận ban đầu => Người cho vay bị thiệt

Như vậy cả người cho vay và người đi vay đều bị thiệt.

**Đáp án Câu 28** : d

Giải thích : Cho :  $C = 20 + 0.9Y$  ( Y là thu nhập )

$$Y_d = 100$$

Ta có :  $Y_d = C + S$

$$S = Y_d - C$$

$$100 - 20 - 0.9Y$$

$$100 - 20 - 0.9 ( Y_d + T )$$

$$80 - 0.9 ( 100 + T )$$

$$80 - 90 - 0.9T$$

$$-10 - 0.9T$$

Vì thiếu T nên không thể tính S ở mức  $Y_d = 100$  này được ( Do Y trong  $C = 20 + 0.9Y$  là thu nhập ;  $Y \neq Y_d$  )

**Đáp án Câu 29** : a

Giải thích : Khi đó sản lượng thấp hơn sản lượng tiềm năng , muốn  $Y \uparrow$  thì chính phủ mở rộng tiền tệ làm t/đ “ hắt ra” . Cụ thể là : chi tiêu G của chính phủ => r để kích thích I . Từ đó tạo ra nhiều sản phẩm (  $Y \uparrow$  ) => AD

**Đáp án Câu 30** : c

Giải thích : Một chính sách kiềm hãm khuyến khích & VN định cư ở nước ngoài gửi tiền về cho thân nhân trong nước sẽ làm dự trữ ngoại tệ của VN . Vì người



dân có xu hướng sẽ dùng số tiền đó để chi tiêu cho một khoản cần thiết nào đó ( hoặc có thể họ sẽ tiết kiệm) => dự trữ ngoại tệ của VN

**Đáp án Câu 31 : a**

Giải thích :  $AD_{thực} < AD_{dự\ kiến}$  => hàng hóa doanh nghiệp sx theo  $AD_{dự\ kiến}$  sẽ bị tồn kho => để không bị đọng trong  $S_x$  , doanh nghiệp sẽ sản lượng để GP thặng dư tồn kho so với mức tồn kho dự kiến

**Đáp án Câu 32 : c**

Giải thích : Là một chính sách do NHTW thực hiện để kích thích cầu bằng cách hạ lãi suất chiết ■■■■ , tỷ lệ dự trữ bắt buộc , hoặc mua chứng khoán của nhà nước

**Đáp án Câu 33 : a**

Giải thích : Sản lượng tiềm năng là sản lượng mà tại đó nền kinh tế đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên ( $U_n$ ) và lạm phát vừa phải , có thể chấp nhận được , Theo thời gian khả năng sx của nền kinh tế luôn ■■■■ xu hướng ■■■■ ↑  
Yp cũng . Do đó nếu ↑ AD thì lạm phát sẽ nhanh

**Đáp án Câu 34 : d**

Giải thích : Theo đề bài ta có :

$$\Delta C = 10,000 ; \Delta Y = 20,000$$

—

$$\left\{ \left( \frac{110+120+130+140+150}{5} \right) + 10 \right\} \times 1000$$

$$150,000$$

$$\text{Vậy } MPC = 0,5 ; MPS = 0,5 ; Y = 150,000$$

**Đáp án Câu 35 : d**

Giải thích : Chú ý rằng tín phiếu kho bạc và công trái quốc gia cũng là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân khi sở hữu , do đó có vai trò rất quan trọng trong ổn định kinh tế

**Đáp án Câu 36 : a**

Giải thích : Vì theo phân tích thì

$$GDP = C + I + G + X - M \text{ (theo chi tiêu)}$$

Trong đó

C : tiêu dùng

I : đầu tư

G : chi tiêu của chính phủ

X - M : xuất khẩu ròng

X : xuất khẩu

M : nhập khẩu

**Đáp án Câu 37 : a**

Giải thích : Theo phân tích thì GDP  
 $= R + W + i + \Pi$  ( theo thu nhập )

Trong đó :

R : tiền thuê do sử dụng tài sản hữu hình

W : tiền lương do sử dụng lao động

i : tiền lãi do sử dụng vốn

$\Pi$  : lợi nhuận do việc quản lý

**Đáp án Câu 38 : c**

Giải thích câu 38 . 39 . 40

**Câu 39 : b**

**Câu 40 : b**

$$0,75Y_d + 400 + 750 + 1000 + 400 - (0,1Y + 400)$$

$$Y = 0,75 ( Y - T_x + T_r ) + 2150 - 0,1Y$$

$$Y = 0,75Y - 0,75 ( 0,2Y + 400 ) + 0,75 . 200 + 2150 - 0,1Y$$

$$Y = 0,65Y - 0,15Y - 300 + 2300$$

$$Y = 0,5Y + 2000$$

$$Y = 4000$$

Số nhân tổng cầu là :

$$k = 1/ 1 - MPC ( 1 - MPT ) - MPI + MPM$$

$$1/ 1 - 0,75( 1 - 0,2 ) - 0 + 0,1$$

$$\Rightarrow k = 2$$

Khi  $T_x \downarrow 100 \Rightarrow T_x' = 0,2Y + 300$

Thu nhập của nền kinh tế lúc này là

$$Y' = GDP' = C' + I + G + X - M$$

$$Y' = 0,75Y_d + 400 + 750 + 100 + 400 - (0,1Y' + 400)$$

$$Y' = 0,75 ( Y' - T_x' + T_n ) + 2150 - 0,1Y'$$

$$Y' = 0,75Y' - 0,75( 0,2Y' + 300 ) + 0,75 \cdot 200 + 2150 - 0,1Y'$$

$$0,65Y' - 0,15Y' - 225 + 2300$$

$\Leftrightarrow$

$$Y' = 0,5Y' + 2075$$

$$Y' = 4150$$

$$\text{Suy ra } \Delta Y = Y' - Y = 4150 - 400 = 150$$

**Đáp án : Câu 41 : b**

Giải thích : Đường LM được hình thành trong điều kiện lượng cung tiền  $S^M$  là không đổi .  
Nên khi thay đổi cung tiền thì LM sẽ dịch chuyển

**Đáp án : Câu 42 : a**

Giải thích : Khi chính phủ tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , nên lượng cầu và tiền gia tăng , với lượng cung tiền cố định , nên lãi suất phải tăng để giảm bớt lượng cầu

**Đáp án : Câu 43 : b**

Giải thích : Khi lãi suất tăng hay giảm đều tác động đến chi tiêu của các hộ gia đình từ đó tác động đến mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa và dịch vụ

**Đáp án : Câu 44 : c**

Giải thích : Khi sản lượng tăng , giảm sẽ tác động đến cầu tiền , nên lãi suất sẽ thay đổi

**Đáp án : Câu 45 : b**

Giải thích : Để kích cầu chính phủ phải đưa tiền ra thị trường nên chính phủ phải tăng chi tiêu , giảm thu và NHTW mua chứng khoán chính phủ trên thị trường

**Đáp án : Câu 46 : b**

Giải thích : \*  $Y = C + G + I$

$$= 200 + 0,8Y_d$$

$$200 + 0,8 ( Y - T )$$

$$200 + 0,8 ( Y - 100 - 0,2Y )$$

$$\begin{aligned}
& 200 + 0,64Y - 80 \\
& 120 + 0,64Y \\
= & 120 + 0,64Y + 700 + 150 - 40i \\
& 970 + 0,64Y - 40i \\
& Y' = 2695 - 111i \\
& i = (M - D_0) / D_m^i - (D_m^Y / D_m^i) \cdot Y
\end{aligned}$$

Với :  $S^M = M$

Với :  $D^M = D_0 + D_m^i i + D_m^Y Y$

$$i = (1500 - 800) / (-35) - (0,3 / -35) Y$$

$$i = -20 + 0,0086Y$$

**Đáp án : Câu 47 : a**

Ta có :  $S^M = D^M$

$$1500 = 800 + 0,3Y - 35i$$

$$35i = 0,3Y - 700$$

$$= -20 + 0,0086Y$$

$$Y = 2695 - 111(-20 + 0,0086Y)$$

$$+ 0,955Y = 4915$$

$$2514$$

$$i = -20 + 0,0086 \times 2514 = 1,62$$

**Đáp án : Câu 48 : b**

Giải thích : Khi có các nhân tố khác lãi suất tác động làm thay đổi tổng cầu AD thì IS sẽ dịch chuyển tương ứng với sự dịch chuyển của đường AD. Nếu tổng giảm thì đường AD dịch chuyển xuống dưới, đường IS dịch chuyển sang trái

**Đáp án : Câu 49 : d**

⇨ Giải thích : Khi tăng lượng cung tiền thì lãi suất giảm, nhưng do tăng thuế nên đầu tư tư nhân giảm dẫn đến sản lượng sẽ giảm

**Đáp án Câu 50 : a**

⇨ Giải thích : Khi chính phủ tăng chi tiêu các doanh nghiệp bán được hàng nên tăng sản xuất từ đó tăng cầu tiền, tăng lãi suất nhưng khi NHTW tăng cung tiền thì lãi suất có thể tăng hoặc giảm hoặc không đổi tùy vào lượng cung tiền

**Đáp án Câu 51 : d**

⇨ Giải thích : Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi sự cân bằng đồng thời cả hai thị trường : tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

**Đáp án Câu 52 : b**

⇨ Giải thích : Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM để đạt được sự cân bằng chu thì sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng

**Đáp án Câu 53 : a**

⇨ Giải thích : Vì khi tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng, sản lượng cân bằng tăng, nên lượng cung về tiền gia tăng mà nếu lượng cung tiền ổn định thì lãi suất phải tăng

**Đáp án Câu 54 : c**

⇨ Giải thích : Vì khi LM nằm bên phải là lượng cung tiền tăng lên, lãi suất giảm kích thích nhà đầu tư tăng, tổng cầu tăng, sản lượng cân bằng tăng, tăng cầu tiền.

**Đáp án Câu 55 : b**

⇨ Giải thích : Vì theo khái niệm đường LM là tập hợp các tổ hợp khác nhau giữa sản lượng và lãi suất mà tại đó thị trường tiền tệ cân bằng



**Đáp án Câu 56 : d**

Giải thích : Vì chính phủ đưa gói hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để giải quyết các vấn đề về kinh tế và đưa nền kinh tế ổn định nên điểm gặp nhau của IS – LM tổng thu nhập bằng với tổng chi , cung tiền bằng cầu tiền tại đó không có biến động về tiền

**Đáp án Câu 57 : a**

Giải thích : Đường IS dốc xuống biểu thị lãi suất cao hơn sẽ kéo theo sản lượng cân bằng thấp hơn

**Đáp án Câu 58 : c**

Giải thích : Đường LM dốc lên thể hiện khi sản lượng cao hơn, sẽ đòi hỏi lượng cầu tiền cao hơn , để giảm bớt cầu tiền , lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ sẽ tăng

**Đáp án Câu 59 : d**

Giải thích : Vì khi NHTW tăng chiết khấu lên thì lãi suất sẽ tăng , còn về sản lượng còn tùy thuộc vào chi tiêu của chính phủ

**Đáp án Câu 60 : d**

Giải thích : Vì người tiết kiệm mong muốn làm tăng thu nhập nhưng kết quả là tăng tiết kiệm sẽ làm giảm thu nhập. Hơn nữa , khi lượng tiết kiệm tăng thêm của dân chúng lại được đưa vào đầu tư như : gửi tiết kiệm, mua công trái , gửi ngân hàng sẽ không làm giảm tổng cầu , không làm giảm sản lượng

**Đáp án Câu 61 : a**

Giải thích : Vì : số nhân của tổng cầu là hệ số phản ánh lượng thay đổi của sản lượng cân bằng quốc gia khi tổng cầu thay đổi trong phần chi tiêu tự định bằng 1 đơn vị

**Đáp án Câu 62 : d**

Giải thích : Vì ở mức cân bằng tổng cung bằng tổng cầu , lúc này thì sản lượng ở mức quân bình sẽ bằng với mức chi tiêu thực của dân chúng và sẽ nhiều hơn mức sản lượng tiềm năng

**Đáp án Câu 63 : d**

Giải thích : Vì khi  $Y$  ( sản lượng thực tế )  $<$   $Y_d$  ( sản lượng cân bằng ) có nghĩa là tổng cầu đang lớn hơn GDP thực do đó người ta chi tiêu thực tế ít hơn so với kế hoạch dự kiến , Vì thế trên thị trường sẽ khan hiếm hàng hóa --> Doanh nghiệp phải xuất kho dự trữ , làm giảm tồn kho --> DN tăng sản lượng để bù đắp thiếu hụt

**Đáp án Câu 64 : b**

Giải thích : Vì khi tiết kiệm tăng sẽ giảm thu nhập  $\rightarrow$  tổng cầu giảm  $\rightarrow$  sản lượng giảm

**Đáp án Câu 65: d**

Giải thích : Vì tiêu dùng biên  $C_m$  phản ánh lượng thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị

**Đáp án Câu 66 : b**

Giải thích : Vì ta biết :  $Y_d = C + S \rightarrow S = Y_d - C$

**Đáp án Câu 67 : b**

Giải thích : Lãi suất là thể hiện giá doanh nghiệp phải trả nếu đi vay ngân hàng . Lãi suất tăng  $\rightarrow$  các DN sẽ không đi vay hay ít vay dẫn tới đầu tư giảm  $\rightarrow$  Sản lượng giảm

**Đáp án Câu 68 : a**

Giải thích : Vì thu nhập khả dụng là khoản thu nhập còn lại sau khi người dân đã nộp thuế cho nhà nước

**Đáp án Câu 69 : a**

Giải thích : Vì nó phản ánh lượng thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị

**Đáp án Câu 70 : a**

Giải thích : Khi nền kinh tế suy thoái chính phủ áp dụng chính sách tài khóa ngược chiều tăng chi tiêu trợ cấp xã hội 8 tỷ đồng , nhằm giữ cho nền kinh tế luôn ở mức sản lượng tiềm năng , đôi lại , ngân sách sẽ bị thâm hụt tăng 8 tỷ

**Đáp án Câu 71 : d**

Giải thích : Chi chuyển nhượng là các khoản trợ cấp từ chính phủ cho công chúng Vd : Chi trợ cấp người nghèo , thất nghiệp

**Đáp án Câu 72 : d**

Giải thích : Ngân sách chính phủ là tổng các kế hoạch chi tiêu và thu nhập hằng năm của chính phủ

Do đó khi : tổng thu > tổng chi thì ngân sách chính phủ sẽ thặng dư

**Đáp án Câu 73 : b**

Giải thích : Trong nền kinh tế nước ta hiện nay , nhu cầu xuất khẩu chủ yếu phụ thuộc vào nước ngoài , do đó gia tăng xuất khẩu sẽ tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước

**Đáp án Câu 74 : b**

Giải thích : Khi nền kinh tế có mức sản lượng  $Y_t < Y_p$  , để kích thích tổng cầu tăng lên , làm tăng sản lượng quốc gia , chính phủ cần tăng thâm hụt ngân sách bằng cách tăng chi tiêu và giảm thuế

**Đáp án Câu 75 : c**

Giải thích : Thuế thu nhập lũy tiến là thuế thu nhập cá nhân và lợi nhuận của DN . Khi thu nhập quốc dân tăng lên , số thu về thuế tăng theo , và ngược lại khi thu nhập giảm , thuế giảm ngay

Khi người lao động bị mất việc họ sẽ được nhận 1 khoản trợ cấp từ bảo hiểm , và khi họ có việc làm thì sẽ bị cắt trợ cấp này đi. Như vậy tiền sẽ được bơm vào và rút ra khỏi nền kinh tế

Do đó góp phần vào ổn định nền kinh tế

**Đáp án Câu 76 : b**

Giải thích : Các số nhân về thuế và chi tiêu có dấu ngược nhau . Số nhân về thuế mang dấu âm (-) hàm ý thuế có tác dụng ngược chiều với thu nhập và sản lượng . Khi thuế tăng lên , thu nhập và sản lượng giảm đi. Và ngược lại , chính phủ giảm thuế , thu nhập và sản lượng tăng lên

**Đáp án Câu 77 : b**

Giải thích : Giá trị hàng hóa xuất khẩu – giá trị hàng hóa nhập khẩu = xuất khẩu ròng ( cán cân thương mại )

Khi xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu , nền kinh tế có thặng dư cán cân thương mại

Khi nhập khẩu vượt xuất khẩu , nền kinh tế bị thâm hụt cán cân thương mại

**Đáp án Câu 78 : b**

Giải thích : Khi chính phủ cắt giảm các khoản chi ngân sách nhờ đó mức chi tiêu chung giảm đi , sản lượng giảm theo và lạm phát sẽ chùng lại

**Đáp án Câu 79 : c**

Giải thích : Chính sách tài khóa là việc chính phủ sử dụng thuế khóa và chi tiêu công cộng để điều tiết mức chi tiêu chung của nền kinh tế .

**Đáp án Câu 80 : c**

Giải thích : Vì giá hối đoái thực tế cao hơn tỷ giá hối đoái danh nghĩa làm cho hàng hóa trong nước trở lên rẻ hơn khi tính ra nội tệ và hàng hóa nước ngoài trở nên đắt hơn khi tính theo nội tệ nên làm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước

**Đáp án Câu 81 : b**

Giải thích : Nguồn tài nguyên là có hạn trong khi nhu cầu của con người là vô hạn

**Đáp án Câu 82 : c**

Giải thích : Tổng cung ngắn hạn phản ánh quan hệ giữa tổng cung và mức giá trong điều kiện giá các yếu tố đầu vào chưa thay đổi

Khi tiền lương càng tăng thì chi phí sản xuất sẽ càng tăng . Khi đó các doanh nghiệp sẽ giảm sản lượng muốn cung ứng cho nền kinh tế ở mọi mức giá

**Đáp án Câu 83 : b**

Giải thích : Giá thị trường và chi phí cho yếu tố sản xuất phản ánh cơ cấu của giá và chúng chênh lệch nhau bởi bộ phận thuế gián thu và GDPmp

GDP danh nghĩa theo chi phí cho yếu tố SX = GDP danh nghĩa theo giá thị trường – Thuế gián thu

$$GDP_{fc} = GDP_{mp} - T_i$$

**Đáp án Câu 84 : a**

Giải thích : Sự gia tăng của GDP thực tế chỉ có thể do lượng hàng hóa và dịch vụ cuối cùng trong nền kinh tế gia tăng qua các năm , nên người ta dùng nó để đo lường tăng trưởng của nền kinh tế mà trong thực tế người ta tính GDP thực tế bằng cách

$$GDP_r = \frac{GDP_n}{D\%}$$

Trong đó : GDP<sub>r</sub> : GDP danh nghĩa

GDP<sub>n</sub> : GDP thực tế

D% : Hệ số lạm phát GDP

Nên từ công thức tính GDP<sub>r</sub> ta thấy được đã loại được yếu tố lạm phát qua các năm

**Đáp án : Câu 85 : b**

Giải thích : Để kích cầu chính phủ phải đưa tiền ra thị trường nên chính phủ phải tăng chi tiêu , giảm thu và NHTW mua chứng khoán chính phủ trên thị trường

**Đáp án Câu 86 : a**

Giải thích : Thị trường ngoại hối là thị trường mua bán ngoại tệ . Ví dụ như : nếu

ngoại tệ có xu hướng nhiều ngoài thị trường thì nhà nước dùng nội tệ để mua ngoại tệ nhằm ổn định thị trường ngoại hối => dự trữ ngoại tệ . Và ngược lại

**Đáp án Câu 87 : d**

Giải thích : Nếu tỉ giá hối đoái danh nghĩa không đổi tốc độ  $\uparrow$  giá trong nước nhanh hơn giá Thế giới , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ còn phụ thuộc vào tỉ giá hối đoái của trong nước so với nước ngoài, phụ thuộc vào yếu tố môi trường , thị hiếu...

**Đáp án : Câu 88 : b**

Giải thích : Khi có các nhân tố khác làm thay đổi tổng cầu AD thì IS sẽ dịch chuyển tương ứng với sự dịch chuyển của đường AD . Nếu tổng giảm thì đường AD dịch chuyển xuống dưới , đường IS dịch chuyển sang trái

**Đáp án : Câu 89 : d**

Giải thích : Khi tăng lượng cung tiền thì lãi suất giảm , nhưng do tăng thuế nên đầu tư tư nhân giảm dẫn đến sản lượng sẽ giảm

**Đáp án Câu 90 : a**

Giải thích : Khi chính phủ tăng chi tiêu các doanh nghiệp bán được hàng nên tăng sản xuất từ đó tăng cầu tiền , tăng lãi suất nhưng khi NHTW tăng cung tiền thì lãi suất có thể tăng hoặc giảm hoặc không đổi tùy vào lượng cung tiền

**Đáp án Câu 91 : d**

Giải thích : Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi sự cân bằng đồng thời cả hai thị trường : tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

**Đáp án Câu 92 : b**

Giải thích : Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM để đạt được sự cân bằng chu thì sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng

**Đáp án Câu 93 : a**

Giải thích : Vì khi tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , nên lượng cung về tiền gia tăng mà nếu lượng cung tiền ổn định thì lãi suất phải tăng

**Đáp án Câu 94 : c**

Giải thích : Vì khi LM nằm bên phải là lượng cung tiền tăng lên , lãi suất giảm kích thích nhà đầu tư tăng , tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , tăng cầu tiền .

**Đáp án Câu 95 : b**

Giải thích : Vì theo khái niệm đường LM là tập hợp các tổ hợp khác nhau giữa sản lượng và lãi suất mà tại đó thị trường tiền tệ cân bằng

**Đáp án Câu 96 : d**

Giải thích : Vì chính phủ đưa phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để giải quyết các vấn đề về kinh tế và đưa nền kinh tế ổn định nên điểm gặp nhau của IS – LM tổng thu nhập bằng với tổng chi , cung tiền bằng cầu tiền tại đó không có biến động về tiền

**Đáp án Câu 97 : a**

Giải thích : Đường IS dốc xuống biểu thị lãi suất cao hơn sẽ kéo theo sản lượng cân bằng thấp hơn

**Đáp án Câu 98 : c**

Giải thích : Đường LM dốc lên thể hiện khi sản lượng cao hơn sẽ đòi hỏi lượng cầu tiền cao hơn , để giảm bớt cầu tiền , lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ sẽ tăng

**Đáp án Câu 99 : d**

Giải thích : Vì khi NHTW tăng chiết khấu lên thì lãi suất sẽ tăng , còn về sản lượng còn tùy thuộc vào chi tiêu của chính phủ .

**Đáp án Câu 100 : d**

Giải thích : Vì người tiết kiệm mong muốn làm tăng thu nhập nhưng kết quả là tăng tiết kiệm sẽ làm giảm thu nhập. Hơn nữa , khi lượng tiết kiệm tăng thêm của dân chúng lại được đưa vào đầu tư như : gửi tiết kiệm, mua công trái , gửi ngân hàng sẽ không làm giảm tổng cầu , không làm giảm sản lượng

**Đáp án Câu 101 : a**

Giải thích : Vì : số nhận của tổng cầu là hệ số phản ánh lượng thay đổi của sản lượng cân bằng quốc gia khi tổng cầu thay đổi trong phân chi tiêu tự định bằng 1 đơn vị

**Đáp án Câu 102 : d**

Giải thích : Vì ở mức cân bằng tổng cung bằng tổng cầu , lúc này thì sản lượng ở mức quân bình sẽ bằng với mức chi tiêu thực của dân chúng và sẽ nhiều hơn mức sản lượng tiềm năng

**Đáp án Câu 103 : d**

Giải thích : Vì khi  $Y$  ( sản lượng thực tế )  $<$   $Y_d$  ( sản lượng cân bằng ) có nghĩa là tổng cầu đang lớn hơn GDP thực do đó người ta chi tiêu thực tế ít hơn so với kế hoạch dự kiến , Vì thế trên thị trường sẽ khan hiếm hàng hóa --> Doanh nghiệp phải xuất kho dự trữ , làm giảm tồn kho --> DN tăng sản lượng để bù đắp thiếu hụt

**Đáp án Câu 104 : b**

Giải thích : Vì khi tiết kiệm tăng sẽ giảm thu nhập  $\rightarrow$  tổng cầu giảm  $\rightarrow$  sản lượng giảm

**Đáp án Câu 105 : d**

Giải thích : Vì tiêu dùng biên  $C_m$  phản ánh lượng thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị

**Đáp án Câu 106 : b**

Giải thích : Vì ta biết :  $Y_d = C + S \rightarrow S = Y_d - C$

**Đáp án Câu 107 : b**

Giải thích : Lãi suất là thể hiện giá doanh nghiệp phải trả nếu đi vay ngân hàng . Lãi suất tăng  $\rightarrow$  các DN sẽ không đi vay hay ít vay dẫn tới đầu tư giảm  $\rightarrow$  Sản lượng giảm

**Đáp án Câu 108 : a**

Giải thích : Vì thu nhập khả dụng là khoản thu nhập còn lại sau khi người dân đã nộp thuế cho nhà nước

**Đáp án Câu 109 : a**

Giải thích : Vì nó phản ánh lượng thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị

**Đáp án Câu 110 : a**

Giải thích : Khi nền kinh tế suy thoái chính phủ áp dụng chính sách tài khóa ngược chiều tăng chi tiêu trợ cấp xã hội 8 tỷ đồng , nhằm giữ cho nền kinh tế luôn ở mức sản lượng tiềm năng , đôi lại , ngân sách sẽ bị thâm hụt tăng 8 tỷ

**Đáp án Câu 111 : d**

Giải thích : Chi chuyển nhượng là các khoản trợ cấp từ chính phủ cho công chúng Vd : Chi trợ cấp người nghèo , thất nghiệp

**Đáp án Câu 112 : d**

Giải thích : Ngân sách chính phủ là tổng các kế hoạch chi tiêu và thu nhập hằng năm của chính phủ

Do đó khi : tổng thu  $>$  tổng chi thì ngân sách chính phủ sẽ thặng dư

**Đáp án Câu 113 : b**

Giải thích : Trong nền kinh tế nước ta hiện nay , nhu cầu xuất khẩu chủ yếu phụ thuộc vào nước ngoài , do đó gia tăng xuất khẩu sẽ tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước

**Đáp án Câu 114 : b**

Giải thích : Khi nền kinh tế có mức sản lượng  $Y_t < Y_p$  , để kích thích tổng cầu tăng lên , làm tăng sản lượng quốc gia , chính phủ cần tăng thâm hụt ngân sách bằng cách tăng chi tiêu và giảm thuế

**Đáp án Câu 115 : c**

Giải thích : Thuế thu nhập lũy tiến là thuế thu nhập cá nhân và lợi nhuận của DN . Khi thu nhập quốc dân tăng lên , số thu về thuế tăng theo , và ngược lại khi thu nhập giảm , thuế giảm ngay

Khi người lao động bị mất việc họ sẽ được nhận 1 khoản trợ cấp từ bảo hiểm , và khi họ có việc làm thì sẽ bị cắt trợ cấp này đi. Như vậy tiền sẽ được bơm vào và rút ra khỏi nền kinh tế

Do đó góp phần vào ổn định nền kinh tế

**Đáp án Câu 116 : b**

Giải thích : Các số nhận về thuế và chi tiêu có dấu ngược nhau . Số nhận về thuế mạng dấu âm (-) hàm ý thuế có tác dụng ngược chiều với thu nhập và sản lượng . Khi thuế tăng lên , thu nhập và sản lượng giảm đi. Và ngược lại , chính phủ giảm thuế , thu nhập và sản lượng tăng lên

**Đáp án Câu 117 : b**

Giải thích : Giá trị hàng hóa xuất khẩu – giá trị hàng hóa nhập khẩu = xuất khẩu ròng ( cán cân thương mại )

Khi xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu , nền kinh tế có thặng dư cán cân thương mại

Khi nhập khẩu vượt xuất khẩu , nền kinh tế bị thâm hụt cán cân thương mại

**Đáp án Câu 118 : b**

Giải thích : Khi chính phủ cắt giảm các khoản chi ngân sách nhờ đó mức chi tiêu chung giảm đi , sản lượng giảm theo và lạm phát sẽ chùng lại

**Đáp án Câu 119 : c**

Giải thích : Chính sách tài khóa là việc chính phủ sử dụng thuế khóa và chi tiêu công cộng để điều tiết mức chi tiêu chung của nền kinh tế .

**Đáp án Câu 120 : c**

Giải thích : Vì giá hối đoái thực tế cao hơn tỷ giá hối đoái danh nghĩa làm cho hàng hóa trong nước trở lên rẻ hơn khi tính ra nội tệ và hàng hóa nước ngoài trở nên đắt hơn khi tính theo nội tệ nên làm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước

**Đáp án Câu 121 : d**

Giải thích : Theo định nghĩa : kinh tế học là môn học khoa học xã hội nghiên cứu cách thức sử dụng nguồn tài nguyên có giới hạn để sản xuất của cải vật chất để phục vụ cho nhu cầu vô hạn của con người

**Đáp án Câu 122 : d**

Giải thích : Độ lệch giữa sản lượng thực tế và sản lượng tiềm năng càng lớn thì hai thái cực lạm phát cao và thất nghiệp nhiều càng xảy ra nghiêm trọng . Vì vậy , mục tiêu ổn định là làm cho sản lượng thực tế được duy trì ở một mức nào đó mà giá cả không lên quá cao , không có hiện tượng tăng dốc , đồng thời thất nghiệp cũng không tăng quá nhiều

Mức sản lượng đó chính là mức sản lượng tiềm năng

**Đáp án Câu 123 : d**

Giải thích : Ta có : GDP thực ( GDP<sub>r</sub>) =  $\frac{GDP_{danhnghĩa}(GDP_n)}{H\grave{e}\ s\grave{o}\ l\grave{a}\m\grave{a}\ p\grave{h}\acute{a}\t (D\%)}$

Hệ số lạm phát (D%)

Mà D% phản ánh mức trượt giá của mặt bằng ở năm hiện hành so với kỳ gốc . Do đó , khi chỉ số giá năm hiện hành bằng chỉ số giá năm gốc thì D% = 1 Lúc đó : GDP<sub>thực</sub> =

GDP<sub>danh nghĩa</sub> của năm hiện hành

**Đáp án Câu 124 : c**

Giải thích : Ta có : NIA = C – B

B là giá trị do công nhân nước khác tạo ra trên lãnh thổ ( thu nhập do nhập khẩu các yếu tố sản xuất )

C là giá trị do công nhân một nước tạo ra trên lãnh thổ nước khác ( thu nhập do xuất khẩu các yếu tố sản xuất )

Với NIA ( Net income Abroad ) : thu nhập ròng từ nước ngoài , là hiệu số của thu nhập do xuất khẩu yếu tố sản xuất

**Đáp án : Câu 125 : a**

Giải thích : Khi chính phủ tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , nên lượng cầu và tiền gia tăng , với lượng cung tiền cố định , nên lãi suất phải tăng để giảm bớt lượng cầu

**Đáp án : Câu 126 : d**

Giải thích : Khi tăng lượng cung tiền thì lãi suất giảm , nhưng do tăng thuế nên đầu tư tư nhân giảm dẫn đến sản lượng sẽ giảm

**Đáp án Câu 127 : c**

Giải thích : Vì giá hối đoái thực tế cao hơn tỷ giá hối đoái danh nghĩa làm cho hàng hóa trong nước trở lên rẻ hơn khi tính ra nội tệ và hàng hóa nước ngoài trở nên đắt hơn khi tính theo nội tệ nên làm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước

**Đáp án : Câu 128 : b**

Giải thích : \*  $Y = C + G + I$

$$= 200 + 0,8Y_d$$

$$200 + 0,8 ( Y - T )$$

$$200 + 0,8 ( Y - 100 - 0,2Y )$$

$$200 + 0,64Y - 80$$

$$120 + 0,64Y$$

$$= 120 + 0,64Y + 700 + 150 - 40i$$

$$970 + 0,64Y - 40i$$

$$Y' = 2695 - 111i$$

$$i = ( M - D_0 ) / D_m^i - ( D_m^Y / D_m^i ) . Y$$

Với :  $S^M = M$

Với :  $D^M = D_0 + D_m^i i + D_m^Y Y$

$$i = ( 1500 - 800 ) / ( -35 ) - ( 0,3 / -35 ) Y$$

$$i = -20 + 0,0086Y$$

**Đáp án : Câu 129 : a**

Ta có :  $S^M = D^M$

$$1500 = 800 + 0,3Y - 35i$$

$$35i = 0,3Y - 700$$

$$= -20 + 0,0086Y$$

$$Y = 2695 - 111 ( -20 + 0,0086Y )$$

$$+ 0,955Y = 4915$$

$$2514$$

$$i = -20 + 0,0086 \times 2514 = 1,62$$

**Đáp án : Câu 130 : b**

Giải thích : Để kích cầu chính phủ phải đưa tiền ra thị trường nên chính phủ phải tăng chi tiêu , giảm thu và NHTW mua chứng khoán chính phủ trên thị trường

**Đáp án Câu 131 : d**

Giải thích : Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi sự cân bằng đồng thời cả hai thị trường : tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

**Đáp án Câu 132 : c**

Giải thích : Khi sản lượng tăng , giảm sẽ tác động đến cầu tiền , nên lãi suất sẽ thay đổi

**Đáp án Câu 133 : b**

Giải thích : Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM để đạt được sự cân bằng chu thì sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng

**Đáp án Câu 134 : a**

Giải thích : Khi chính phủ tăng chi tiêu các doanh nghiệp bán được hàng nên tăng sản xuất từ đó tăng cầu tiền , tăng lãi suất nhưng khi NHTW tăng cung tiền thì lãi suất có thể tăng hoặc giảm hoặc không đổi tùy vào lượng cung tiền

**Đáp án Câu 135 : a**

Giải thích : Vì khi tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , nên lượng cung về tiền gia tăng mà nếu lượng cung tiền ổn định thì lãi suất phải tăng

**Đáp án Câu 136 : c**

Giải thích : Vì khi LM nằm bên phải là lượng cung tiền tăng lên , lãi suất giảm kích thích nhà đầu tư tăng , tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , tăng cầu tiền .

**Đáp án Câu 137 : d**

Giải thích : Vì chính phủ đưa phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để giải quyết các vấn đề về kinh tế và đưa nền kinh tế ổn định nên điểm gặp nhau của IS – LM tổng thu nhập bằng với tổng chi , cung tiền bằng cầu tiền tại đó không có biến động về tiền

**Đáp án Câu 138 : b**

Giải thích : Vì theo khái niệm đường LM là tập hợp các tổ hợp khác nhau giữa sản lượng và lãi suất mà tại đó thị trường tiền tệ cân bằng

**Đáp án Câu 139 : a**

Giải thích : Đường IS dốc xuống biểu thị lãi suất cao hơn sẽ kéo theo sản lượng cân bằng thấp hơn

**Đáp án Câu 140 : d**

Giải thích : Vì khi NHTW tăng chiết khấu lên thì lãi suất sẽ tăng , còn về sản lượng còn tùy thuộc vào chi tiêu của chính phủ .

**Đáp án Câu 141 : c**

Giải thích : Đường LM dốc lên thể hiện khi sản lượng cao hơn sẽ đòi hỏi lượng cầu tiền cao hơn , để giảm bớt cầu tiền , lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ sẽ tăng

**Đáp án Câu 142 : a**

Giải thích : Vì : số nhân của tổng cầu là hệ số phản ánh lượng thay đổi của sản lượng cân bằng quốc gia khi tổng cầu thay đổi trong phần chi tiêu tự định bằng 1 đơn vị

**Đáp án Câu 143 : d**

Giải thích : Vì khi  $Y$  ( sản lượng thực tế ) <  $Y_d$  ( sản lượng cân bằng ) có nghĩa là tổng cầu đang lớn hơn GDP thực do đó người ta chi tiêu thực tế ít hơn so với kế hoạch dự kiến

Vì thế trên thị trường sẽ khan hiếm hàng hóa --> Doanh nghiệp phải xuất kho dự trữ , làm giảm tồn kho --> DN tăng sản lượng để bù đắp thiếu hụt

**Đáp án Câu 144 : d**



Giải thích : Vì ở mức cân bằng tổng cung bằng tổng cầu , lúc này thì sản lượng ở mức quân bình sẽ bằng với mức chi tiêu thực của dân chúng và sẽ nhiều hơn mức sản lượng tiềm năng

**Đáp án Câu 145 : b**

Giải thích : Vì khi tiết kiệm tăng sẽ giảm thu nhập  $\rightarrow$  tổng cầu giảm  $\rightarrow$  sản lượng giảm

**Đáp án Câu 146 : b**

Giải thích : Vì ta biết :  $Y_d = C + S \rightarrow S = Y_d - C$

**Đáp án Câu 147 : d**

Giải thích : Vì tiêu dùng biên  $C_m$  phản ánh lượng thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị

**Đáp án Câu 148 : b**

Giải thích : Lãi suất là thể hiện giá doanh nghiệp phải trả nếu đi vay ngân hàng . Lãi suất tăng  $\rightarrow$  các DN sẽ không đi vay hay ít vay dẫn tới đầu tư giảm  $\rightarrow$  Sản lượng giảm

**Đáp án Câu 149 : a**

Giải thích : Vì nó phản ánh lượng thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị

**Đáp án Câu 150 : a**

Giải thích : Vì thu nhập khả dụng là khoản thu nhập còn lại sau khi người dân đã nộp thuế cho nhà nước

**Đáp án Câu 151 : a**

Giải thích : Khi nền kinh tế suy thoái chính phủ áp dụng chính sách tài khóa ngược chiều tăng chi tiêu trợ cấp xã hội 8 tỷ đồng , nhằm giữ cho nền kinh tế luôn ở mức sản lượng tiềm năng , đôi lại , ngân sách sẽ bị thâm hụt tăng 8 tỷ

**Đáp án Câu 152 : b**

Giải thích : Trong nền kinh tế nước ta hiện nay , nhu cầu xuất khẩu chủ yếu phụ thuộc vào nước ngoài , do đó gia tăng xuất khẩu sẽ tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước

**Đáp án Câu 153 : d**

Giải thích : Chi chuyển nhượng là các khoản trợ cấp từ chính phủ cho công chúng Vd : Chi trợ cấp người nghèo , thất nghiệp

**Đáp án Câu 154 : a**

Giải thích : Không có sự can thiệp của Chính phủ đến thị trường ngoại hối . Dự trữ ngoại hối giữ nguyên . Tỷ giá sẽ điều chỉnh để cân bằng giữa cung đồng nội tệ trên thị trường ngoại hối .

**Đáp án Câu 155 : d**

Giải thích : Ngân sách chính phủ là tổng các kế hoạch chi tiêu và thu nhập hằng năm của chính phủ

Do đó khi : tổng thu > tổng chi thì ngân sách chính phủ sẽ thặng dư

**Đáp án Câu 156 : b**

Giải thích : Khi nền kinh tế có mức sản lượng  $Y_t < Y_p$  , để kích thích tổng cầu tăng lên , làm tăng sản lượng quốc gia , chính phủ cần tăng thâm hụt ngân sách bằng cách tăng chi tiêu và giảm thuế

**Đáp án Câu 157 : b**

Giải thích : Các số nhân về thuế và chi tiêu có dấu ngược nhau . Số nhân về thuế mang dấu âm (-) hàm ý thuế có tác dụng ngược chiều với thu nhập và sản lượng . Khi

thuế tăng lên, thu nhập và sản lượng giảm đi. Và ngược lại, chính phủ giảm thuế, thu nhập và sản lượng tăng lên

**Đáp án Câu 158 : c**

Giải thích : Thuế thu nhập lũy tiến là thuế thu nhập cá nhân và lợi nhuận của DN. Khi thu nhập quốc dân tăng lên, số thu về thuế tăng theo, và ngược lại khi thu nhập giảm, thuế giảm ngay

Khi người lao động bị mất việc họ sẽ được nhận 1 khoản trợ cấp từ bảo hiểm, và khi họ có việc làm thì sẽ bị cắt trợ cấp này đi. Như vậy tiền sẽ được bơm vào và rút ra khỏi nền kinh tế

Do đó góp phần vào ổn định nền kinh tế

**Đáp án Câu 159 : c**

Giải thích : Chính sách tài khóa là việc chính phủ sử dụng thuế khóa và chi tiêu công cộng để điều tiết mức chi tiêu chung của nền kinh tế.

**Đáp án Câu 160: b**

Giải thích : Giá trị hàng hóa xuất khẩu – giá trị hàng hóa nhập khẩu = xuất khẩu ròng ( cán cân thương mại )

Khi xuất khẩu lớn hơn nhập khẩu, nền kinh tế có thặng dư cán cân thương mại

Khi nhập khẩu vượt xuất khẩu, nền kinh tế bị thâm hụt cán cân thương mại

**Đáp án Câu 161 : c**

Giải thích : Sản lượng tiềm năng chưa phải là mức sản lượng cao nhất mà nền kinh tế có thể đạt được. Trong thực tế, vào những thời kỳ hưng thịnh các doanh nghiệp có xu hướng tuyển mộ công nhân ráo riết hơn, kích thích công nhân tăng giờ làm việc. Kết quả là sản lượng thực tế cao hơn sản lượng tiềm năng ( và thất nghiệp thực tế thấp hơn tỉ lệ thất nghiệp tự nhiên ). Tuy nhiên, lúc đó vì phải trả thù lao cho lao động cao hơn trước nên chi phí sản xuất gia tăng, thúc đẩy tăng giá. Giá tăng lại xuất hiện yêu cầu tăng lương. Lương tăng lại tiếp tục làm tăng chi phí, đẩy mức giá lên cao hơn nữa. Nền kinh tế lâm vào tình trạng lạm phát cao.

**Đáp án Câu 162 : b**

Giải thích : Mục tiêu ổn định là hạn chế chu kì kinh doanh, tránh lạm phát cao và thất nghiệp nhiều. Nếu điều chỉnh lạm phát ở mức thấp nhất dẫn đến chỉ số giá cao ( đến mức cực điểm sẽ gây thiệt hại cho người tiêu dùng ... )

**Đáp án Câu 163 : d**

Giải thích : Vì đầu tư có ảnh hưởng đến tổng cung trong dài hạn. Đầu tư có nghĩa là đổi mới công nghệ, thay thế công nghệ cũ lỗi thời bằng công nghệ tiên tiến => tạo ra

nhiều  $\uparrow$  sản phẩm => tổng cung

**Đáp án Câu 164 : a**

Giải thích : Theo định nghĩa thu nhập khả dụng ( hay thu nhập cá nhân có quyền sử dụng ) là khoản thu nhập thực sự mà các hộ gia đình có toàn quyền quyết định trong việc chi tiêu, tức là khoản thu nhập còn lại sau khi các cá nhân, người tiêu dùng đã nhận các khoản chi chuyên nhượng từ chính phủ và đã nộp các khoản thuế

$Y_d - PI - T_d$

**Đáp án Câu 165 : c**

Giải thích : Thuế GTGT không phải là thuế trực thu mà là thuế gián thu vì đây là loại thuế gián tiếp đánh vào thu nhập xã hội thông qua giá cả hàng hóa , người nộp thuế là các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nhưng người chịu thuế là người tiêu dùng cuối cùng.

**Đáp án Câu 166 : c**

Giải thích : GDP chỉ giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng không tính giá trị hàng hóa và dịch vụ trung gian để tránh hiện tượng tính trùng trong nền kinh tế. Vì giá trị hàng hóa của dịch vụ trung gian đã được tính trong giá trị hàng hóa và dịch vụ cuối cùng

**Đáp án Câu 167 : a**

Giải thích : Khi tăng cung ngoại tệ NHTW sẽ bỏ ra một khoản nội tệ tương ứng để mua ngoại tệ , làm tăng dự trữ ngoại tệ

**Đáp án Câu 168 : d**

Giải thích : Theo định nghĩa , quốc gia nào có chi phí sản xuất về 1 loại hàng hóa thấp hơn so với Quốc gia khác thì Quốc gia đó có lợi thế tuyệt đối về mặt hàng đó nên QG B có lợi thế tuyệt đối cả hai mặt hàng . Quốc gia A có lợi thế tương đối ở mặt hàng gạo do CPSX gạo ở QG A thấp hơn CPSX ô tô ở QG A

**Đáp án Câu 169 : b**

Giải thích : Vì trong thời kỳ 1990 đến nay Việt Nam nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu

**Đáp án Câu 170 : d**

Giải thích : Chính phủ cố định tỷ giá cố định là một lời cam kết xác lập một mức lãi suất phù hợp để loại bỏ hiện tượng chu chuyển vốn một chiều . Do vậy trong ngắn hạn lãi suất cân bằng lãi suất thế giới , sản lượng tăng

**Đáp án Câu 171: c**

Giải thích : Do trong trường hợp này , chỉ tiêu Chính phủ tăng làm tăng lãi suất và đầu tư giảm

**Đáp án Câu 172 : b**

Giải thích : Trong dài hạn sử dụng chính sách tài khoá mở rộng làm tổng cầu tăng lên kéo giá tăng lên , giảm khả năng cạnh tranh của hàng hóa trong nước trên thị trường thế giới , xuất khẩu giảm , hàng hóa và dịch vụ giảm , làm giảm sản lượng . Dẫn đến thâm hụt cán cân thương mại , lãi suất và sản lượng trở về mức cũ .

**Đáp án Câu 173: c**

Giải thích : Trong dài hạn sử dụng chính sách tài khoá mở rộng làm tổng cầu tăng lên kéo giá tăng lên , giảm khả năng cạnh tranh của hàng hoá trong nước trên thị trường thế giới , xuất khẩu giảm , hàng hóa và dịch vụ giảm , làm giảm sản lượng . Dẫn đến thâm hụt cán cân thương mại , lãi suất và sản lượng trở về mức cũ .

**Đáp án Câu 174: c**

Giải thích : Để cố định tỷ giá hối đoái NHTW phải bán dự trữ ngoại tệ và mua nội tệ

**Đáp án Câu 175: d**

Giải thích : Trong trường hợp này đầu tư đổ vào tăng , tỷ giá hối đoái giảm , xuất khẩu giảm và nhập khẩu tăng . Nên sản lượng không tăng lên và cán cân thương mại xấu đi .

**Đáp án Câu 176: b**

Giải thích : Để cố định tỷ giá hối đoái NHTW phải bán dự trữ ngoại tệ và mua nội tệ . Mặt khác chính sách này bị triệt tiêu bởi nguồn vốn vận động ra nước ngoài khi lãi suất giảm. Do vậy chính sách tiền tệ tỏ ra kém hiệu lực hơn so với nền kinh tế mở

**Đáp án Câu 177: d**

Giải thích : Khi đó vốn đổ ra , tỷ giá hối đoái tăng , xuất khẩu tăng , nhập khẩu giảm

**Đáp án Câu 178 : b**

Giải thích : Theo định nghĩa , tài khoản vốn ghi chép mọi luồng vốn đi vào và đi ra khỏi lãnh thổ quốc gia

**Đáp án Câu 179: b**

Giải thích : Theo định nghĩa , tài khoản vốn ghi chép mọi luồng vốn đi vào và đi ra khỏi lãnh thổ quốc gia

**Đáp án Câu 180 : d**

Giải thích : Khi đó vốn đổ ra , tỷ giá hối đoái tăng , xuất khẩu tăng , nhập khẩu giảm

**Đáp án Câu 181 : c**

Giải thích : Như vậy làm tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước , đẩy mạnh xuất khẩu . Tăng sức mua của nước ngoài đối với hàng trong nước làm tăng cung ngoại tệ đẩy tỷ giá tăng lên

**Đáp án Câu 182 : b**

Giải thích : Giá cao làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước

**Đáp án Câu 183 : d**

Giải thích : Tùy thuộc vào cán cân thanh toán của Việt Nam hiện tại và luồng vốn nhà đầu tư nước ngoài đổ vào Việt nam là bao nhiêu

**Đáp án Câu 184 : b**

Giải thích : Khi có các nhân tố khác làm thay đổi tổng cầu AD thì IS sẽ dịch chuyển tương ứng với sự dịch chuyển của đường AD . Nếu tổng giảm thì đường AD dịch chuyển xuống dưới , đường IS dịch chuyển sang trái

**Đáp án Câu 185 : b**

Giải thích : Đường LM được hình thành trong điều kiện lượng cung tiền  $S^M$  là không đổi . Nên khi thay đổi cung tiền thì LM sẽ dịch chuyển

**Đáp án Câu 186 : d**

Giải thích : Khi tăng lượng cung tiền thì lãi suất giảm , nhưng do tăng thuế nên đầu tư tư nhân giảm dẫn đến sản lượng sẽ giảm

**Đáp án Câu 187 : b**

Giải thích : Các yếu tố khác không đổi ,  $r \uparrow$  thì Y cân bằng sẽ  $\downarrow$  là do  $I \downarrow$

**Đáp án Câu 188 : d**

Giải thích : Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi sự cân bằng đồng thời cả hai thị trường : tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

**Đáp án : Câu 189 : c**

Giải thích : Khi sản lượng tăng , giảm sẽ tác động đến cầu tiền , nên lãi suất sẽ thay đổi

**Đáp án Câu 190 : a**

Giải thích : Vì khi tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , nên lượng cung về tiền gia tăng mà nếu lượng cung tiền ổn định thì lãi suất phải tăng

**Đáp án Câu 191 : a**

Giải thích : Vì : số nhân của tổng cầu là hệ số phản ánh lượng thay đổi của sản lượng cân bằng quốc gia khi tổng cầu thay đổi trong phần chi tiêu tự định bằng 1 đơn vị

**Đáp án Câu 192 : b**

Giải thích : Vì khi tiết kiệm tăng sẽ giảm thu nhập  $\rightarrow$  tổng cầu giảm  $\rightarrow$  sản lượng giảm

**Đáp án Câu 193 : b**

Giải thích : Lãi suất là thể hiện giá doanh nghiệp phải trả nếu đi vay ngân hàng . Lãi suất tăng → các DN sẽ không đi vay hay ít vay dẫn tới đầu tư giảm → Sản lượng giảm

**Đáp án Câu 194 : a**

Giải thích : Vì thu nhập khả dụng là khoản thu nhập còn lại sau khi người dân đã nộp thuế cho nhà nước

**Đáp án Câu 195 : b**

Giải thích : Trong nền kinh tế nước ta hiện nay , nhu cầu xuất khẩu chủ yếu phụ thuộc vào nước ngoài , do đó gia tăng xuất khẩu sẽ tạo ra tiết kiệm để đầu tư trong nước

**Đáp án Câu 196 : a**

Giải thích : Không có sự can thiệp của Chính phủ đến thị trường ngoại hối . Dự trữ ngoại hối giữ nguyên . Tỷ giá sẽ điều chỉnh để cân bằng giữa cung đồng nội tệ trên thị trường ngoại hối

**Đáp án Câu 197 : b**

Giải thích : \*  $GDP_{thực\ 1997} = 6000/120 = 50$  tỷ

$GDP_{thực\ 1998} = 6500/125 = 52$  tỷ

=> Tỷ lệ tăng trưởng =  $(52-50)/50 \times 100\% = 4\%$

**Đáp án Câu 198 : c**

Giải thích : Khi nền kinh tế có lạm phát , lúc đó đồng tiền bị mất giá ( hay nói cách khác là dư tiền ) => để lạm phát nên giảm lượng cung tiền và chi ngân sách. Mặt khác tăng lãi suất và tăng thuế để lượng tiền đầu tư => lạm phát

**Đáp án Câu 199 : d**

⇒  
Giải thích

Khác nhau	Sản phẩm trung gian	Sản phẩm cuối cùng
Mục đích sử dụng	- Mang tính chất tạm thời , được dùng để chuyển tải hoặc biến đổi để thành sản phẩm cuối cùng	- Mang t/c lâu dài , là mục đích của SX , sử dụng
Thời gian tiêu thụ	- Thông thường ngắn hạn hoặc trung hạn	- Dài hạn
Độ bền trong quá trình sử dụng	- Thông thường chỉ dùng được trong thời gian ngắn ( tuy nhiên còn phụ thuộc vào các yếu tố như : quá trình sử dụng , chất liệu cấu thành...)	- Được dùng trong thời gian dài ( cũng phụ thuộc vào các yếu tố như sản phẩm trung gian)

**Đáp án Câu 200 : c**

Giải thích : Khi muốn thay đổi lượng cung nội tệ , NHTW có thể mua hoặc bán trái phiếu chính phủ hoặc ngoại tệ vì :

+ Trái phiếu chính phủ :



- Bán : người dân sẽ dùng nội tệ để mua => lượng nội tệ ngoài thị trường

Mua : Người dân sẽ bán trái phiếu lại cho chính phủ => Chính phủ sẽ đưa một lượng nội tệ ra để mua lại trái phiếu => lượng cung nội tệ

+ Ngoại tệ

Bán : Người dân có xu hướng dùng nội tệ mua ngoại tệ để tích lũy hoặc trao đổi mua bán => lượng cung nội tệ

Mua : Chính phủ dùng nội tệ mua ngoại tệ => ↑ lượng cung nội tệ

đây có thể xét rộng hơn là : các doanh nghiệp tư nhân , doanh nghiệp NN

### **Đáp án Câu 201 : d**

Giải thích : Để rút ra được kết luận đó người nói đã có sự nghiên cứu , phân tích một cách tổng thể thông qua biến số tỷ lệ thất nghiệp ở nhiều nước một cách khách quan và khoa học , sau khi rút ra kết luận này , người ta sẽ đề ra các biện pháp giảm tỷ lệ thất nghiệp

### **Đáp án Câu 202 : b**

Giải thích : Vì nó nghiên cứu nền kinh tế một cách tổng thể thông qua chỉ số giá hàng tiêu dùng ở Việt Nam trong giai đoạn 1992 – 1995 một cách khách quan và khoa học trên cơ sở đó đề ra các biện pháp nhằm ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

### **Đáp án Câu 203 : b**

Giải thích : Các nguồn lực sản xuất như :

Yếu tố đầu vào : nguyên vật liệu

Yếu tố đầu ra : Sản phẩm

Tổng cung dài hạn phản ánh quan hệ giữa tổng cung và mức giá trong điều kiện giá các yếu tố đầu vào thay đổi cùng tỷ lệ với mức giá đầu ra của sản phẩm

Gọi là tổng cung dài hạn vì nền kinh tế phải có thời gian đủ dài để thực hiện quá trình điều chỉnh đồng thời này

Các nguồn lực sản xuất tác động đến các tổng cung dài hạn làm tổng cung dài hạn thay đổi vì nó tác động năng lực sản xuất của nền kinh tế .

### **Đáp án Câu 204 : c**

Giải thích : Theo lý thuyết tính GDP theo phương pháp thu nhập là tập hợp tổng thu nhập phát sinh trên lãnh thổ bao gồm : Tiền lương , tiền lãi , tiền thuê , lợi nhuận , thuế gián thu ( Ti ) và khấu hao ( De)

$$GDP = U + i + R + Pr + Ti + De$$

### **Đáp án Câu 205 : d**

Giải thích : Sợi và vải là nguyên liệu sử dụng để may mặc nên chúng là hàng hóa dịch vụ trung gian , còn may mặc sẽ là sản phẩm cuối cùng . Vì vậy GDP của quốc gia này là 300 tỷ ( giá trị sản lượng may mặc)

### **Đáp án Câu 206 : b**

Giải thích : Theo định nghĩa GDP là giá trị của toàn bộ lượng hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được tạo ra trên lãnh thổ một nước tính trong 1 thời kỳ ( thường là 1 năm )

### **Đáp án Câu 207 : d**

Giải thích : Cán cân thanh toán không chỉ bao gồm yếu tố đầu tư từ nước ngoài mà còn bao gồm xuất – nhập khẩu dịch vụ nước ngoài...

Xuất khẩu ròng ( X-M) : nếu  $\uparrow$  đầu tư từ nước ngoài  $\Rightarrow \uparrow Y \Rightarrow$  thặng dư  $Y_{\text{trong nước}} \Rightarrow$  Xuất khẩu  $\Rightarrow (X \uparrow M)$

Tất yếu : khi  $I_{\text{nước ngoài}} \uparrow$  thì thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài  $\uparrow$

**Đáp án Câu 208 : c**

Giải thích : Từ khi nền kinh tế ở mức toàn dụng thì sản lượng mà nền kinh tế đạt được tương ứng với tỉ lệ thất nghiệp tự nhiên ( $U_n$ ) và tỷ lệ lạm phát vừa phải  $\Rightarrow$

có thể chấp nhận được  $\Rightarrow$  ổn định

$T \downarrow \Rightarrow Y_d \uparrow$  ( thu nhập khả dụng )  $\Rightarrow$  người dân  $\uparrow$  chi tiêu  $\Rightarrow$  lạm phát ( do  $Y_d \uparrow \Rightarrow C$  và  $I$  )

$\downarrow \Rightarrow AD \downarrow \Rightarrow Y \downarrow \Rightarrow$  suy thoái

Xét :  $AD = C + I + G + X - M$

**Đáp án Câu 209 : d**

Giải thích : Chính sách mở rộng tiền tệ

- $\downarrow$  tỷ lệ dự trữ bắt buộc
- $\downarrow$  Lãi suất chiết khấu
- Mua CK của chính phủ

$\Rightarrow Y \uparrow$

$\Rightarrow$  Thặng dư hoặc  $\downarrow$  thâm hụt thương mại vì còn phụ thuộc vào việc  $\downarrow$  bao nhiêu lãi suất chiết khấu ... dẫn  $\blacksquare$  đầu tư nhiều hay ít

$\Rightarrow$  đồng nội tệ  $\downarrow$  giá ( do  $Y \uparrow$  )

**Đáp án Câu 210 : a**

Giải thích :  $AD_{\text{thực}} < AD_{\text{dự kiến}} \Rightarrow$  hàng hóa doanh nghiệp sx theo  $AD_{\text{dự kiến}}$  sẽ bị tồn kho  $\Rightarrow$  để không bị động trong  $S_x$ , doanh nghiệp  $\downarrow$  sẽ sản lượng để GP thặng dư tồn kho so với mức tồn kho dự kiến

**Đáp án : Câu 211 : a**

Giải thích : Khi chính phủ tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng, sản lượng cân bằng tăng, nên lượng cầu và tiền gia tăng, với lượng cung tiền cố định, nên lãi suất phải tăng để giảm bớt lượng cầu

**Đáp án : Câu 212 : c**

Giải thích : Khi sản lượng tăng , giảm sẽ tác động đến cầu tiền , nên lãi suất sẽ thay đổi

**Đáp án Câu 213 : a**

Giải thích : Khi chính phủ tăng chi tiêu các doanh nghiệp bán được hàng nên tăng sản xuất từ đó tăng cầu tiền , tăng lãi suất nhưng khi NHTW tăng cung tiền thì lãi suất có thể tăng hoặc giảm hoặc không đổi tùy vào lượng cung tiền

**Đáp án Câu 214 : b**

Giải thích : Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM để đạt được sự cân bằng chu thì sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng

**Đáp án Câu 215 : c**

Giải thích : Vì khi LM nằm bên phải là lượng cung tiền tăng lên , lãi suất giảm kích thích nhà đầu tư tăng , tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , tăng cầu tiền .

**Đáp án Câu 216 : d**

Giải thích : Vì chính phủ đưa phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để giải quyết các vấn đề về kinh tế và đưa nền kinh tế ổn định nên điểm gặp nhau của IS – LM tổng thu nhập bằng với tổng chi , cung tiền bằng cầu tiền tại đó không có biến động về tiền

**Đáp án Câu 217 : c**

Giải thích : Đường LM dốc lên thể hiện khi sản lượng cao hơn sẽ đòi hỏi lượng cầu tiền cao hơn , để giảm bớt cầu tiền , lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ sẽ tăng

**Đáp án Câu 218 : d**

Giải thích : Vì người tiết kiệm mong muốn làm tăng thu nhập nhưng kết quả là tăng tiết kiệm sẽ làm giảm thu nhập. Hơn nữa , khi lượng tiết kiệm tăng thêm của dân chúng lại được đưa vào đầu tư như : gửi tiết kiệm, mua công trái , gửi ngân hàng sẽ không làm giảm tổng cầu , không làm giảm sản lượng

**Đáp án Câu 219 : d**

Giải thích : Vì ở mức cân bằng tổng cung bằng tổng cầu , lúc này thì sản lượng ở mức quân bình sẽ bằng với mức chi tiêu thực của dân chúng và sẽ nhiều hơn mức sản lượng tiềm năng

**Đáp án Câu 220 : b**

Giải thích : Vì khi tiết kiệm tăng sẽ giảm thu nhập  $\rightarrow$  tổng cầu giảm  $\rightarrow$  sản lượng giảm

**Đáp án Câu 221 : b**

Giải thích : Lãi suất là thể hiện giá doanh nghiệp phải trả nếu đi vay ngân hàng . Lãi suất tăng  $\rightarrow$  các DN sẽ không đi vay hay ít vay dẫn tới đầu tư giảm  $\rightarrow$  Sản lượng giảm

**Đáp án Câu 222 : a**

Giải thích : Vì nó phản ánh lượng thay đổi của tiêu dùng khi thu nhập khả dụng thay đổi 1 đơn vị

**Đáp án Câu 223 : d**

Giải thích : Chi chuyển nhượng là các khoản trợ cấp từ chính phủ cho công chúng

**Đáp án Câu 224 : d**

Giải thích : Để duy trì tỷ giá hối đoái cố định NHTW phải cân đối số dư cung nội tệ bằng cách mua hoặc bán một lượng ngoại tệ tương ứng , điều này sẽ làm tăng hoặc giảm dự trữ ngoại hối , liên quan trực tiếp tới chính sách Xuất - Nhập Khẩu



**Đáp án Câu 225 : d**

Giải thích : Không biết chính xác hàng hóa ở các nước khi đó tăng hay giảm

**Đáp án Câu 226 : d**

Giải thích : Tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp tới cung và cầu ngoại tệ , tới Xuất - Nhập khẩu . Do đó , tỷ giá hối đoái thay đổi làm cung , cầu ngoại tệ thay đổi , chính sách Xuất - Nhập khẩu thay đổi

**Đáp án Câu 227 : b**

Giải thích : Vì trong thời kỳ 1990 đến nay Việt Nam nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu

**Đáp án Câu 228 : d**

Giải thích : Chính phủ cố định tỷ giá cố định là một lời cam kết xác lập một mức lãi suất phù hợp để loại bỏ hiện tượng chu chuyển vốn một chiều . Do vậy trong ngắn hạn lãi suất cân bằng lãi suất thế giới , sản lượng tăng

**Đáp án Câu 229: c**

Giải thích : Do trong trường hợp này , chỉ tiêu Chính phủ tăng làm tăng lãi suất và đầu tư giảm

**Đáp án Câu 230: c**

Giải thích : Đề cố định tỷ giá hối đoái NHTW phải bán dự trữ ngoại tệ và mua nội tệ

**Đáp án Câu 231 : a**

Giải thích : Vì theo phân tích thì

$$GDP = C + I + G + X - M \text{ (theo chi tiêu)}$$

Trong đó

C : tiêu dùng

I : đầu tư

G : chi tiêu của chính phủ

X - M : xuất khẩu ròng

X : xuất khẩu

M : nhập khẩu

**Đáp án Câu 232 : a**

Giải thích : Theo phân tích thì

$$GDP = R + W + i + \Pi \text{ (theo thu nhập)}$$

Trong đó :

R : tiền thuê do sử dụng tài sản hữu hình

W : tiền lương do sử dụng lao động

i : tiền lãi do sử dụng vốn

$\Pi$  : lợi nhuận do việc quản lý

**Đáp án Câu 233 : a**

Giải thích : Sản lượng tiềm năng là sản lượng mà tại đó nền kinh tế đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên ( $U_n$ ) và lạm phát vừa phải, có thể chấp nhận

được, Theo thời gian khả năng sx của nền kinh tế luôn có xu hướng  $\Rightarrow Y_p \uparrow$  cũng. Do đó nếu AD thì  $\blacksquare$  phát sẽ nhanh

**Đáp án Câu 234 : d**

Giải thích : Theo đề bài ta có :  
 $\Delta C = 10,000$  ;  $\Delta Y = 20,000$

Ta có  $MPC = \Delta C / \Delta Y = 10,000 / 20,000 = 0,5$

—

$$\left[ \left( \frac{110+120+130+140+150}{5} \right) + 10 \right] \times 1000$$

150,000

Vậy  $MPC = 0,5$  ;  $MPS = 0,5$  ;  $Y = 150,000$

**Đáp án Câu 235 : d**

Giải thích : Chú ý rằng tín phiếu kho bạc và công trái quốc gia cũng là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân khi sở hữu, do đó có vai trò rất quan trọng trong ổn định kinh tế

**Đáp án Câu 236 : d**

Giải thích : Trạng thái toàn dụng có nghĩa là sản lượng mà nền kinh tế đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên ( $U_n$ ) và tỷ lệ lạm phát vừa phải mà nền kinh tế có thể chấp nhận được  $\Rightarrow$  vẫn còn 1 tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp nhất định

**Đáp án Câu 237 : b**

**Đáp án Câu 238 : d**

Giải thích : Vì cán cân thương mại, cán cân thanh toán và sản lượng quốc gia đều có liên quan đến việc mua bán, trao đổi, xuất nhập khẩu trong nước và nước ngoài  $\Rightarrow$  liên quan đến mối quan hệ giữa nội tệ và ngoại tệ  $\Rightarrow$  tỷ giá hối đoái

**Đáp án Câu 239 : a**

Giải thích : Vì  $\downarrow$  thuế  $\Rightarrow Y_d \uparrow \Rightarrow C \uparrow \Rightarrow$  đòi  $Y \uparrow$  ( sản lượng )  $\Rightarrow I$  phải  $\uparrow \Rightarrow$  đòi hỏi nhiều lao động  $\Rightarrow \downarrow$  thất nghiệp

$G \Rightarrow$  đòi hỏi  $Y$  ( sản lượng )  $\Rightarrow$  I phải  
 $\Rightarrow$  Đòi hỏi nhiều lao động  $\Rightarrow$  thất nghiệp

**Đáp án Câu 240** : a

Giải thích : Chọn năm 1 làm gốc tức là :

$$GDP_{\text{danh nghĩa 1}} = GDP_{\text{thực 1}} = 4000$$

$$\Rightarrow P_1 = 1$$

$$P_2 = ( GDP_{\text{danh nghĩa 2}} ) / GDP_{\text{thực 1}} = 4400/4000 = 110\%$$